

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 05 tháng 03 năm 2004, thay đổi lần thứ 18, ngày 05 tháng 06 năm 2020)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng niêm yết	129.363.616 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết	1.293.636.160.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội

Trụ sở chính : Số 02 phố Trường Sơn, quận Tân Bình , thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: 40 Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : +(84-8) 3 547 2972

Fax : +(84-8) 3 547 2970

Website : <http://www.a-c.com.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank KimEng

Trụ sở : Tầng 4A – 15 + 16, Vincom Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến

Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : +(028) 44555888

Fax : +(028) 38271030

Website : <http://www.kimeng.com.vn>

MỤC LỤC

1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về pháp luật.....	8
3. Rủi ro đặc thù	8
4. Rủi ro khác	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 9	
1. Tổ chức niêm yết	9
2. Tổ chức tư vấn.....	9
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2. Cơ cấu tổ chức Công ty tại thời điểm nay:.....	14
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	16
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 02/03/2020	18
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	19
6. Hoạt động kinh doanh.....	21
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	36
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	38
9. Chính sách đối với người lao động.....	42
10. Chính sách cổ tức.....	43
11. Tình hình tài chính	44
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	52
13. Tài sản	64
14. Vốn chủ sở hữu.....	66
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	69
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	73
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	73
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán.....	73
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	73
1. Loại cổ phiếu	73
2. Mệnh giá.....	73
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	73
4. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	73

5. Phương pháp tính giá	73
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	76
7. Các loại thuế có liên quan	76
7.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp	76
Thuế thu nhập doanh nghiệp	76
7.2 Thuế giá trị gia tăng (VAT).....	77
7.3 Xuất khẩu và các loại thuế khác	78
7.4 Các loại thuế đối với các nhà đầu tư.....	78
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT.....	79
IX. PHỤ LỤC.....	80

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Các nhà đầu tư cần quan tâm đến các yếu tố rủi ro khi đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang. Nhà đầu tư cần xem xét cẩn trọng các yếu tố rủi ro và các yếu tố không chắc chắn được nêu dưới đây, cùng với các thông tin trong Bản cáo bạch, các thông tin trong các báo cáo tài chính và những thông tin liên quan khác trước khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu và của Công ty. Các rủi ro được nêu sau đây là những yếu tố mà Công ty phải đối mặt trong quá trình kinh doanh. Khi bất kỳ yếu tố rủi ro nào xảy ra, sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Do đó, ảnh hưởng đến giá trị cổ phiếu và kết quả đầu tư của nhà đầu tư. Các yếu tố rủi ro chính gồm có.

1. Rủi ro về kinh tế

Tăng trưởng của nền kinh tế có ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nói chung khi nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là một trong những tiêu chí quan trọng nhất phản ánh sự tăng trưởng của nền kinh tế. Nói chung khi tốc độ tăng trưởng GDP cao, sức cầu của nền kinh tế tăng lên và ngược lại khi tốc độ tăng trưởng thấp sức cầu của nền kinh tế có chiều hướng giảm. Trong giai đoạn từ 2010 đến 2019, kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng liên tục và đạt được tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm khá cao, khoảng 6,29%/năm. Tỷ lệ tăng trưởng GDP trong giai đoạn 2011 – 2013 có xu hướng giảm xuống, còn bình quân khoảng 5,4%/năm do những bất ổn của kinh tế vĩ mô và ảnh hưởng của nền kinh tế toàn cầu. Giai đoạn 2014 - 2018 tỷ lệ tăng trưởng GDP đã phục hồi, với mức tăng trưởng GDP bình quân 6,63%/năm. Số liệu về tỷ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2019 và mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm 2020 được trình bày trong Bảng 1 dưới đây:

Tỷ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2019 và mục tiêu năm 2020

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020 (*)
GDP (%)	6,78	5,89	5,03	5,42	5,98	6,68	6,21	6,81	7,08	7,02	6,8

Nguồn: Tổng Cục Thống kê.

(*): Mục tiêu của Chính phủ.

Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm 2020 khoảng 6,8%. Đây là mục tiêu có nhiều thách thức trong bối cảnh của kinh tế Việt Nam, đặc biệt ngay đầu năm dịch bệnh Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp trên phạm vi toàn thế giới. Trong khi đó, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2020 khoảng 6,48%. Với những số liệu dự báo nêu trên, Chúng tôi kỳ vọng kinh tế Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng trên 6,8% trong năm 2020.

Với lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất phốt pho vàng và sản xuất phân bón chứa lân các loại, kết quả hoạt động kinh doanh của DGC phụ thuộc khá lớn vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Như số liệu trên đây, tăng trưởng GDP được duy trì ở mức khá giúp tăng thu nhập cũng như tâm lý khách hàng, thu nhập tăng sẽ thúc đẩy nhu cầu hàng hóa, qua đó gián tiếp thúc đẩy nhu cầu các sản phẩm hóa chất, phân bón.

Bên cạnh GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát ảnh hưởng đến nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Lạm phát cao có xu hướng tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát cao trong giai đoạn 2010 - 2011 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế của Việt Nam và đã trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của Chính phủ Việt Nam. Các chính sách tài khóa và tiền tệ trong giai đoạn này chủ yếu nhằm

mục tiêu kiềm chế lạm phát. Đến năm 2014, chỉ số lạm phát đã giảm xuống mức 4,09 % và năm 2015 chỉ còn 0,63%. Đây là mức tăng thấp nhất trong vòng mười năm gần đây. Tuy nhiên, tác động của chính sách kiềm chế lạm phát đối với nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khá tiêu cực. Chính sách kiềm chế lạm phát làm giảm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Biểu hiện rõ nét là tốc độ tăng trưởng GDP và sức cầu của nền kinh tế suy giảm trong giai đoạn này. Số liệu về chỉ số lạm phát giai đoạn 2010 – 2019 được trình bày trong Bảng dưới đây:

Tỉ lệ lạm phát của Việt Nam trong giai đoạn 2010 – 2019 và mục tiêu năm 2020

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020(*)
Tỉ lệ lạm phát (%)	11,75	18,13	9,21	6,04	4,09	0,63	4,74	3,53	3,54	2,79	<4

Nguồn: Tổng Cục Thống kê.

(): Mục tiêu của Chính phủ.*

Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát tỉ lệ lạm phát năm 2020 dưới 4% và Ngân Hàng Thế Giới dự báo mức lạm phát của Việt Nam trong năm 2020 khoảng 4%. Nếu chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước và chính sách tài khóa được kiểm soát chặt chẽ, chúng tôi tin rằng mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2020 có thể đạt được.

Một yếu tố quan trọng thứ ba ảnh hưởng đến hoạt động của nền kinh tế và hoạt động của doanh nghiệp đó là lãi suất. Đối với các doanh nghiệp, lãi suất vay nợ là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh. Khi lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại thay đổi, sẽ làm cho chi phí vay nợ thay đổi. Từ đó sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính và đến tổng thu nhập của Công ty. Sự biến động về lãi suất cho vay trên thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh hay nói cách khác là tác động trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước điều hành lãi suất thông qua hai loại lãi suất chính: lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn. Trên cơ sở các lãi suất điều hành của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống ngân hàng thương mại sẽ quyết định mức lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay.

Số liệu về lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn 2009 - 2019 như sau:

Lãi suất giai đoạn 2009 – 2019

Năm	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Lãi suất tái chiết khấu trung bình (%/năm)	6,0	6,2	10,7	10,0	6,0	4,5	4,5	4,5	4,5	4,5	4,25
Lãi suất tái cấp vốn trung bình (%/năm)	7,5	8,2	13	11,5	7,5	6,5	6,5	6,5	6,5	6,5	6,25

Nguồn: Website Ngân hàng Nhà nước và tính toán.

Với chính sách điều hành lãi suất hiện tại của Ngân hàng Nhà nước hiện nay và mục tiêu của Chính phủ trong việc giảm lãi suất cho vay, Chúng tôi kỳ vọng lãi suất vay nợ sẽ không có nhiều biến động trong cả năm 2020.

Đối với doanh nghiệp kinh doanh hóa chất và phân bón các loại như DGC, lạm phát gia tăng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua sự gia tăng của các yếu tố đầu vào như chi phí nguyên liệu, chi phí nhân công, chi phí lãi vay, chi phí vận hành, chi phí marketing,.. Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong thời gian tới khi nền kinh tế đang có xu hướng tăng trưởng nhanh trở lại. Để giảm thiểu tác

động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, DGC luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro và chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán.

Tỷ giá hối đoái

Khi tỷ giá biến động bất lợi, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu sản xuất và chi phí vay nợ bằng ngoại tệ, từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong giai đoạn 2010 – 2011, tỷ giá VND/USD biến động rất mạnh, Đồng VND mất giá mạnh so với USD, bình quân 6,6% - 7,08%/năm. Đây là giai đoạn kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, bắt đầu từ cuộc khủng hoảng tài chính tại Hoa Kỳ vào năm 2007. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế các nước, gây ra suy thoái kinh tế ở nhiều nơi và tăng trưởng kinh tế chậm lại, trong đó có Việt Nam. Vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam chiếm 30% tổng đầu tư, đầu tư gián tiếp qua các kênh trái phiếu chính phủ, thị trường chứng khoán chiếm tỷ trọng khá cao (39% trái phiếu và 25% tổng mức vốn hoá của thị trường) trước đó đã có dấu hiệu suy giảm trong giai đoạn này. Thâm hụt cán cân thương mại của Việt Nam đã tăng mạnh, khoảng 17 tỉ USD. Đây là những nguyên nhân chính dẫn đến tỷ giá biến động mạnh trong giai đoạn này.

Trong giai đoạn 2012-2013, tỷ giá VND/USD khá ổn định. Tỷ giá bình quân liên ngân hàng được giữ cố định ở mức 20.828 VND/USD trong thời gian dài (từ đầu năm 2012 đến cuối tháng 6/2013) trước khi được điều chỉnh lên 21.036 VND/USD. Biên độ giao dịch giữ nguyên ở mức 1% từ đầu tháng 2/2011. Sự ổn định của tỷ giá trong giai đoạn 2012-2013 chủ yếu là do nền kinh tế khó khăn, do nguồn cung ngoại tệ từ các dự án đầu tư nước ngoài giải ngân và kiều hối ổn định. Tỷ giá VND/USD có xu hướng tăng trong năm 2015. Tại thời điểm cuối tháng 6/2015, tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước công bố đã tăng lên mức 21.673 VND/USD (tăng 2% so với thời điểm cuối tháng 12/2014 - 21.246 VND/USD).

Để ứng phó với việc điều chỉnh tỷ giá của Trung Quốc và các quốc gia khác trong năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng giữa VND và USD từ mức 21.673 lên mức 21.890 VND/USD, tăng 1%. Đồng thời, nới rộng biên độ tỷ giá VND/USD từ +/-1% lên +/-2% rồi +/-3%. Với sự điều chỉnh tỷ giá và biên độ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tỉ giá giữa VND và USD trên thị trường đã tăng gần hết biên độ +3%. Năm 2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã áp dụng chính sách điều hành tỷ giá mới. Theo đó, tỷ giá trung tâm sẽ được công bố hàng ngày và biên độ giao dịch là +/-3%. Tỷ giá trung tâm do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm 12/3/2018 là 22.461 Đồng/USD, tăng 0,21% so với thời điểm đầu năm 2020 (23.317 Đồng/USD). Tỷ giá giao dịch trên thị trường thông thường tăng gần hết biên độ +3%.

Dưới đây là số liệu về tỷ giá VND/USD giai đoạn 2010 – 2019.

Tỉ giá hối đoái VND/USD giai đoạn 2009 – 2019

Cuối năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	% thay đổi bình quân/năm
Số liệu của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố:											
Tỷ giá mua	19.495	21.030	20.815	21.085	21.380	22.450	22.720	22.725	22.315	22.317	
% tăng/giảm so với năm trước	5,58%	7,87%	-1,02%	1,30%	1,40%	5,00%	1,20%	0,02%	0,02%	0,01%	2,14%
Tỷ giá bán	19.500	21.036	20.855	21.125	21.405	22.540	22.790	22.795	22.335	22.337	
% tăng/giảm so với năm trước	5,53%	7,88%	-0,86%	1,29%	1,33%	5,30%	1,11%	0,02%	0,02%	0,01%	2,16%

Nguồn: Website của Vietcombank.

Sự biến động của tỷ giá hối đoái VND/USD trong thời gian tới khó dự đoán do chính sách tỷ giá của các nước và chính sách điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong trường hợp tỷ giá hối đoái VND/USD biến động tiêu cực ngoài dự kiến, kết quả kinh doanh của Công ty sẽ bị ảnh hưởng. Với những chính sách điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện tại, Công ty kỳ vọng tỷ giá năm 2020 sẽ biến động ở mức trung bình khoảng 3,0%.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của DGC là sản xuất phốt pho vàng vật hóa chất các loại và phân bón chứa lân trong đó tỷ trọng xuất khẩu chiếm tới hơn 70% tổng doanh thu. Ngoài ra Công ty còn nhập một lượng khá lớn nguyên liệu từ nước ngoài. Vì vậy, giống như tất cả các doanh nghiệp có kinh doanh với đối tác nước ngoài khác, việc biến động của tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của DGC. Nhận thức được rủi ro tỷ giá có thể gặp phải, DGC đã tiến hành dự báo biến động giá sản phẩm đầu ra, nhằm chủ động trong khâu xuất khẩu và tồn trữ vào thời điểm thích hợp phục vụ công tác bán hàng. Bên cạnh đó, xét về kinh tế vĩ mô, Chính phủ Việt Nam cũng chủ trương và có những biện pháp hợp lý nhằm ổn định tỷ giá ngoại tệ đặc biệt là tỷ giá USD/VND. Nhờ đó, rủi ro tỷ giá đối với hoạt động của DGC cũng được giảm thiểu đáng kể.

2. Rủi ro về pháp luật

Là công ty Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần và đã đăng ký trở thành công ty đại chúng, hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Luật thuế giá trị gia tăng, ngoài ra Công ty còn chịu ảnh hưởng từ pháp luật của những nước là thị trường xuất khẩu của DGC. Trong khi đó Luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì ít nhiều cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hơn nữa, việc điều chỉnh thuế xuất khẩu Phốt pho vàng ở mức 0% lên mức 5% kể từ ngày 1/4/2011 cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh đối với sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Công ty trên thị trường thế giới.

3. Rủi ro đặc thù

3.1 Rủi ro thị trường:

Các sản phẩm hóa chất có nguồn gốc phốt pho là nguyên liệu đầu vào thiết yếu của nhiều ngành kinh tế, đặc biệt là ngành nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) và sản xuất hàng tiêu dùng (bột giặt, chất tẩy rửa, phụ gia,...) nên nhu cầu về các sản phẩm của doanh nghiệp cũng chịu ảnh hưởng những biến động của kinh tế vĩ mô và sức mua của người tiêu dùng. Hiện tại, xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty và các sản phẩm của Công ty đã có mặt tại nhiều nước trên thế giới như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ,... Tuy nhiên, cũng như thị trường trong nước, khi thị trường hóa chất quốc tế biến động hoặc có những yếu tố gây bất lợi cho việc xuất khẩu hàng hóa cũng sẽ gây ra rủi ro kinh doanh cho Công ty. Để giảm thiểu các rủi ro về thị trường, Công ty đã thực hiện đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm, tích cực tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Các sản phẩm hóa chất công nghiệp, hóa chất tinh khiết là nguyên liệu đầu vào thiết yếu của nhiều ngành kinh tế, đặc biệt là ngành nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) và sản xuất hàng tiêu dùng (bột giặt, chất tẩy rửa, phụ gia,...) nên nhu cầu về các sản phẩm của doanh nghiệp cũng chịu ảnh hưởng những biến động của kinh tế vĩ mô và sức mua của người tiêu dùng. Để giảm thiểu các rủi ro về thị trường, Công ty đã thực hiện đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm, tích cực tìm kiếm và mở rộng thị trường xuất khẩu. Đến nay, xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và các sản phẩm của Công ty đã có mặt tại nhiều nước trên thế giới như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Ấn Độ,... Tuy nhiên, cũng như thị trường trong nước, khi thị trường hóa chất quốc tế biến động hoặc có những yếu tố gây bất lợi cho việc xuất khẩu hàng hóa cũng sẽ đem lại rủi ro kinh doanh cho Công ty.

3.2 Rủi ro trong hoạt động

Đối với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh hóa chất, rủi ro trong hoạt động luôn tác động xấu đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Để phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro trong quá trình hoạt động, việc đảm bảo an toàn luôn được Công ty đặt lên hàng đầu và bằng các chế tài cụ thể như: Xây dựng nội quy, quy chế chặt chẽ, nghiêm khắc trong tất cả các khâu vận hành, sản xuất; Các cán bộ, công nhân đều được đào tạo bài bản và phải vượt qua các kỳ sát hạch trước khi tham gia vào quá trình sản xuất,... Ngoài ra, Công ty còn tổ chức định kỳ công tác tuyên truyền, giáo dục bắt buộc đối với toàn thể cán bộ, nhân viên trong công ty về an lao động. Bằng những giải pháp đồng bộ nêu trên, các rủi ro trong hoạt động của Công ty đã được phòng ngừa và giảm thiểu.

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính chất bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

Đối với các trường hợp rủi ro do dịch bệnh diễn biến phức tạp như dịch COVID-19 đang diễn ra hiện nay, nếu việc cách li xã hội triển khai trên diện rộng ở cả trong và ngoài nước, sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu... từ đó gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG

Ông Đào Hữu Huyền	Chức vụ:	Chủ tịch HĐQT
Ông Đào Hữu Duy Anh	Chức vụ:	Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Mai	Chức vụ:	Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Văn Kiên	Chức vụ:	Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG

Ông	TÔ QUỐC TUẤN
Chức vụ:	Giám đốc Tài chính

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng (MBKE) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang cung cấp.

CH
BẢN
CÁO
BẠCH

III. CÁC KHÁI NIỆM

TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty	: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
DGC	: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
Tổ chức niêm yết	: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
DGL, DLC	: Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Lào Cai
DDC	: Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
TSCĐ	: Tài sản cố định
Cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
Điều lệ	: Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang
BCTC	: Báo cáo tài chính
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CP	: Cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1 Giới thiệu chung về Công ty**

Tên tiếng Việt : Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang

Tên tiếng Anh : Ducgiang Chemicals Group Joint Stock Company

Tên viết tắt : Ducgiang Chemicals Group

Trụ sở : 18/44 phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội

Điện thoại : (024) 38 271 620 Fax: (024) 38 271 068

Website : www.ducgiangchem.vn Email: cbtt.dgc@ducgiangchem.vn



Logo :

Mã số thuế : 0101452588

Tài khoản : Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương.

Số tài khoản: 119000002450.

Vốn điều lệ đăng ký: 1.293.636.160.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 1.293.636.160.000 đồng

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp ngày 05 tháng 03 năm 2004, thay đổi lần thứ 18, ngày 05 tháng 06 năm 2020.

Ngày trở thành công ty đại chúng: 13/9/2007.

Ngành nghề kinh doanh chính:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm)	2011 (Chính)
2	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón	2012
3	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo	2013
4	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Sản xuất sắt, thép	2410
5	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý Chi tiết: Sản xuất kim loại màu	2420
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón; Bán buôn nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất	4669
7	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, kim loại màu	4662
8	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện	2790

9	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất máy móc, dụng cụ cơ khí	2599
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị điện và các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí	4659
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, kho bãi	6810
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
13	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
14	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
15	Khai thác quặng sắt	0710
16	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722

1.2 Quá trình hình thành, phát triển

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tiền thân là Công ty Hoá chất Đức Giang, tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng cục hóa chất Việt Nam được thành lập từ năm 1963 với sản phẩm “Bột giặt Đức Giang” rất quen thuộc với người tiêu dùng.

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp của Nhà nước, Công ty Hoá chất Đức Giang được chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang theo quyết định số 135/2003/QĐ-BCN ngày 26 tháng 08 năm 2003 và Quyết định số 10/2004/QĐ-BCN ngày 13 tháng 02 năm 2004 về việc sửa đổi Điều 2 Quyết định số 135/2003/QĐ-BCN.

Tháng 3 năm 2004, Công ty hoàn tất công tác cổ phần hóa, chuyển đổi mô hình và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003850 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 05/03/2004 với số vốn điều lệ 15 tỷ đồng (đến nay đã đăng ký thay đổi lần thứ 18, ngày 05 tháng 06 năm 2020 với mã số doanh nghiệp 0101452588 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp).

Để tạo sức mạnh tổng hợp và đưa doanh nghiệp lên một tầm cao mới, năm 2018 Công ty đã thực hiện nhận sáp nhập Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang – Lào Cai, qua đó DGC trở thành một trong những doanh nghiệp lớn nhất trong ngành hóa chất.

Năm 2019, đánh dấu mốc phát triển mới khi Công ty chuyển đổi từ Công ty cổ phần sang mô hình Tập đoàn và đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang.

Đến nay, Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang không chỉ đơn thuần sản xuất kinh doanh mặt hàng bột giặt, chất tẩy rửa mà còn mở rộng sang lĩnh vực sản xuất hóa chất kỹ thuật, hóa chất công nghiệp, phân bón các loại... Tập đoàn Hóa chất Đức Giang hiện đang là nhà sản xuất Phot pho vàng, Axit Phosphoric thực phẩm, công nghiệp lớn nhất Việt Nam.

1.3 Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Số vốn tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	7/2008	15	30	Phát hành ra công chúng, trong đó: - Chào bán 900.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu giá là 10.000 đồng/cổ phần; - Phát hành 600.000 cổ	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

				phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	
2	6/2009	36	66	Chi trả cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu: Phát hành 3.600.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
3	12/2012	154	220	- Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo hình thức chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 55,84% là 3.685.440 cổ phiếu; - Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo hình thức cổ đông thực hiện quyền mua là 10.574.520 cổ phiếu với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần - Phát hành cổ phiếu chào bán theo chương trình có lựa chọn cho người lao động là 330.000 cổ phiếu với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần - Phát hành cổ phiếu chào bán riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên là 810.040 cổ phiếu với giá chào bán 11.450 đồng/cổ phần.	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 41/GCN-UBCK ngày 10/9/2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4	07/2013	114,99366	334,99366	Chi trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu: Phát hành 11.499.366 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã công bố thông tin trên trang điện tử của UBCKNN: ngày 02/7/2013 nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành 11.499.366 cổ phiếu để trả cổ tức.
5	8/2015	87,09766	422,09132	Chi trả cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu: Phát hành 8.709.766 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Công văn số 3342/UBCK-QLPH ngày 22/6/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
6	7/2016	77,99743	500,08875	Chi trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu: Phát hành 7.799.743 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Công văn số 4973/UBCK-QLPH ngày 01/8/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
7	9/2018	577,94936	1.078,03811	Sáp nhập Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang Lào Cai: Phát hành 57.794.936 cổ phiếu để hoán đổi	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu để hoán đổi số 39/GCN-UBCK ngày 30/7/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

CH
JÁN
HỒ
INH
CHI

8	5/2019	161,69805	1.239,73616	Chi trả cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu: Phát hành 16.169.805 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Công văn số 3113/UBCK-QLPH ngày 21/05/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
9	8/2019	53,9	1.293,63616	Phát hành cổ phiếu ESOP: Phát hành 5.390.000 cổ phiếu cho người lao động	Công văn số 5082/UBCK-QLPH ngày 21/8/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

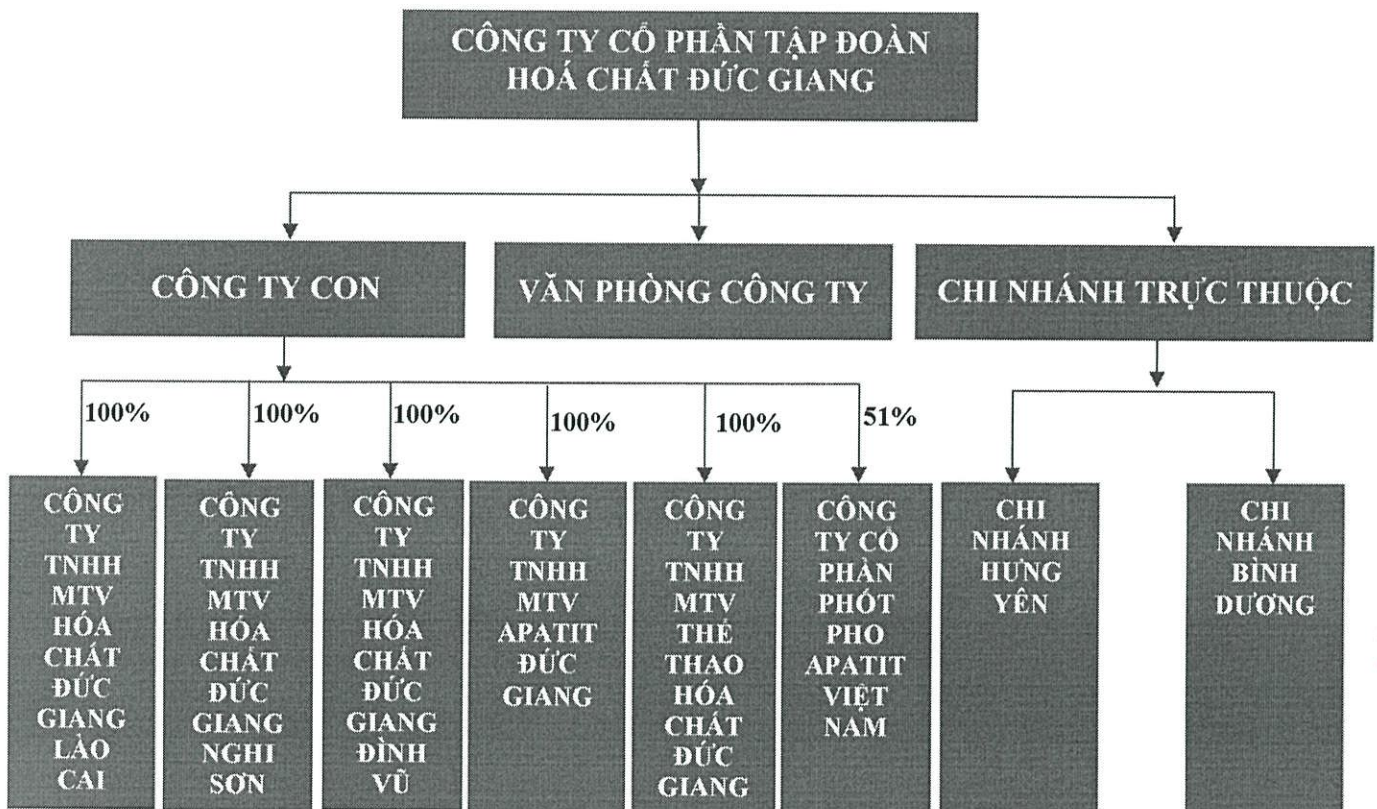
(Nguồn: Số liệu báo cáo của Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

Trong thời gian từ năm 2004 đến năm 2009, Công ty đã thực hiện hai đợt phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 66 tỷ đồng. Đầu năm 2012, sau khi xem xét giải trình về các đợt phát hành thêm cổ phần ra công chúng của Công ty, ngày 10/2/2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quyết định số 116/2012/QĐ-UBCK xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang do đã thực hiện các đợt phát hành để tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 66 tỷ đồng nhưng chưa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành. Ngày 17/02/2012, Công ty đã thực hiện đầy đủ Quyết định số 116/2012/QĐ-UBCK và nộp phạt số tiền 250 triệu đồng theo đúng quy định.

2. Cơ cấu tổ chức Công ty tại thời điểm nay:

Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang thực hiện mô hình quản lý gồm: Công ty và 06 Công ty con và 02 Chi nhánh.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được mô tả theo sơ đồ sau:



➤ Các Công ty con:

✦ Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang Lào Cai (DGL)

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Chuyên về sản xuất hóa chất cơ bản (Phốt pho vàng,

Axit Photphoric thực phẩm, Axit Photphoric trích ly), phân bón (Supe lân đơn, Supe lân kép, Phân phức hợp MAP...), phụ gia thức ăn gia súc (DCP)...

- Vốn điều lệ: 997 tỷ đồng.
- Mọi quan hệ với Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang: Là công ty con, Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 100% vốn điều lệ của DGL.

☛ Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn (DGN)

- Địa chỉ: Khu Công nghiệp số 15 – Khu Kinh tế Nghi Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Chuyên về sản xuất hóa chất cơ bản (Xút, PVC, Soda...).
- Vốn điều lệ: 1.000 tỷ đồng.
- Mọi quan hệ với Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang: Là công ty con, Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 100% vốn điều lệ của DGN.

☛ Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang Đình Vũ (DDC)

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đình Vũ – Hải Phòng.
- Ngành nghề kinh doanh: Chuyên về dịch vụ kho bãi và xuất hàng cho các Công ty trong Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tại cảng Đình Vũ – Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 60 tỷ đồng.
- Mọi quan hệ với Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang: Là công ty con, Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 100% vốn điều lệ của DDC.

☛ Công ty TNHH một thành viên Apatit Đức Giang

- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác mỏ và quặng apatit.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.
- Mọi quan hệ với Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang: Là công ty con, Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 100% vốn điều lệ

☛ Công ty TNHH Một thành viên Thể thao Hóa chất Đức Giang

- Địa chỉ: Số 18/44 phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh: Chuyên về hoạt động của cơ sở thể thao chuyên nghiệp (bóng chuyên).
- Vốn điều lệ: 5 tỷ đồng.
- Mọi quan hệ với Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang: Là công ty con, Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 100% vốn điều lệ.

☛ Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Tăng Loóng – Bảo Thắng – Lào Cai.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Chuyên về sản xuất phốt pho vàng.
- Vốn điều lệ: 250 tỷ đồng.
- Mọi quan hệ với Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang: Là công ty con, Công

599
SỞ G
CHỨ
TH
HỒ C
1-7

ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Phốt pho vàng Việt Nam.

➤ **Các Chi nhánh trực thuộc**

✦ **Chi nhánh Hưng Yên:**

- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phố nổi B – tỉnh Hưng Yên.
- Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh chính: Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới; sản xuất Bột giặt, chất tẩy rửa, hóa chất tinh khiết, hóa chất kỹ thuật và các sản phẩm khác phục vụ Tập đoàn.

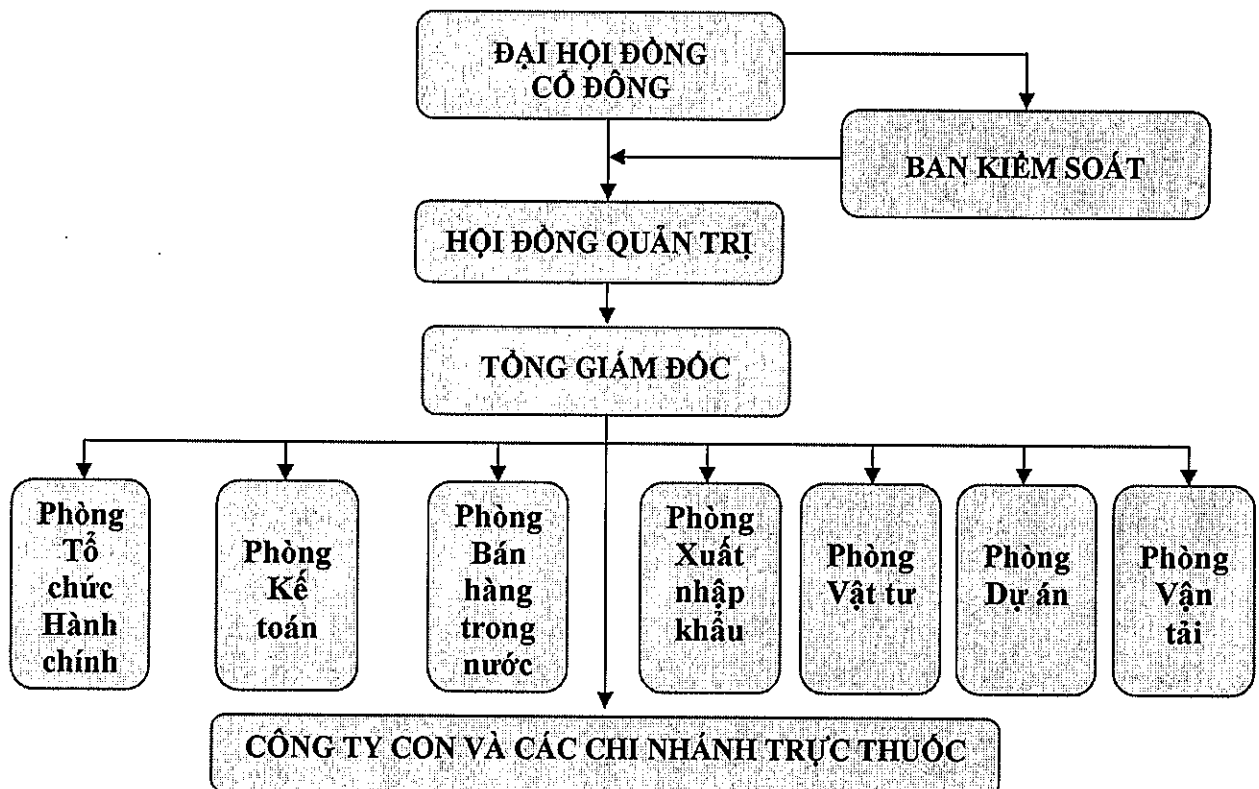
✦ **Chi nhánh Bình Dương:**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đồng An – Xã Bình Hoà - Huyện Thuận An - Tỉnh Bình Dương.
- Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh chính: Phân phối, bán hàng cho toàn Tập đoàn tại khu vực miền nam như: Bột giặt, phân bón, phụ gia thức ăn gia súc.

3. **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty**

Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức bộ máy quản lý công ty Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang được mô tả theo sơ đồ sau:



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho

năm tiếp theo; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu ra và thay mặt ĐHCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán kế toán, thẩm định báo cáo tài chính hàng năm báo cáo trực tiếp ĐHCĐ. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người điều hành mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật và HĐQT về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ.

Phòng Tổ chức - Hành Chính

Là Phòng có chức năng tham mưu giúp HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các công việc cụ thể sau:

- ✓ Công tác tổ chức và công tác cán bộ;
- ✓ Công tác đào tạo;
- ✓ Công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật;
- ✓ Công tác hành chính văn phòng.

Phòng Kế toán

Là Phòng chức năng giúp HĐQT, Tổng Giám đốc tổ chức bộ máy Tài chính - kế toán - tin dụng. Mặt khác giúp Giám đốc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh tế - tài chính trong Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước và công ty cổ phần.

Phòng Bán hàng trong nước

Là Phòng chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong việc bán hàng trong nước đối với các mặt hàng của toàn Tập đoàn như: Bột giặt, chất tẩy rửa, phân bón, phụ gia thức ăn gia súc và các loại hóa chất tinh khiết, hóa chất kỹ thuật khác.

Phòng Xuất nhập khẩu

Là Phòng chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

- ✓ Công tác kinh doanh - xuất nhập khẩu;
- ✓ Công tác đầu thầu, mua sắm vật tư hàng hóa từ nước ngoài;
- ✓ Công tác hợp đồng kinh tế;
- ✓ Công tác kế hoạch.

Phòng Vật tư

Là Phòng chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

- ✓ Mua sắm vật tư, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của toàn Tập đoàn;
- ✓ Công tác hợp đồng kinh tế, đấu thầu mua sắm trong nước.

Phòng Dự án

Là Phòng chức năng trợ giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc:

- ✓ Xây dựng, quản lý, theo dõi, triển khai thực hiện các dự án của Tập đoàn.
- ✓ Tham mưu cho lãnh đạo Tập đoàn trong việc nghiên cứu, phát triển các dự án mới.

Phòng Vận tải

Là Phòng chức năng trợ giúp HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc:

- ✓ Quản lý, điều phối đội xe vận tải hàng hóa chung trong Tập đoàn;
- ✓ Tham mưu, đề xuất cho lãnh đạo Tập đoàn trong việc thuê vận tải của các đơn vị bên ngoài.

Nhìn chung mô hình tổ chức hiện tại của Tập đoàn đã đáp ứng được với yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Với việc phân cấp mạnh của Tập đoàn đối với các đơn vị trực thuộc đã tạo điều kiện cho các đơn vị phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác quản lý và điều hành sản xuất, trong việc phát triển thị trường,... cũng như trong việc thực thi định hướng phát triển chung của Tập đoàn. Tập đoàn vẫn giữ được vai trò trung tâm điều phối hoạt động của các đơn vị thông qua quy chế quản lý chung.

4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 02/03/2020

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 02/03/2020:

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ số ĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Đào Hữu Huyền	55 Phùng Hưng - Hoàn Kiếm- Hà Nội	CMND số 033056000482 cấp ngày 22/12/2015 tại Cục CSĐKQL CT & DLQG về DC	23.071.716	17,83%
2	Tập đoàn hóa chất Việt Nam Đại diện: ông Khúc Ngọc Giảng	1A Tràng Tiền - Hoàn Kiếm - Hà Nội	Số 100100061 do Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 10/13/2010	11.451.108	8,85%
3	Đào Hữu Kha	Số 5A Cao Bá Quát, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	CMND số 033070000440 cấp ngày 01/09/2015 tại Cục CSĐKQL CT & DLQG về DC	7.891.474	6,10%
4	Ngô Thị Ngọc Lan	Số 5A Cao Bá Quát, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	CMND số 033175003451 cấp ngày	8.782.790	6,79%

			07/11/2018 tại Cục CSĐKQL CT & DLQG về DC		
	Tổng cộng			51.197.088	39,58%

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

4.2. Cổ đông sáng lập

Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05/03/2004. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 02/03/2020

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông (người/tổ chức)	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ thực góp
I	Trong nước	2.995	128.134.064	99,05%
	- Cá nhân	2.979	115.305.335	89,13%
	- Tổ chức	16	12.828.729	9,92%
II	Ngoài nước	38	1.228.679	0,95%
	- Cá nhân	28	922.247	0,71%
	- Tổ chức	10	306.432	0,24%
III	Cổ phiếu quỹ		873	0,0007%
	Tổng cộng	3.033	129.363.616	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.

5.1 Công ty mẹ: Không có

5.2 Công ty con:

5.2.1. Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang Lào Cai

- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tăng Loóng, thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Mã số doanh nghiệp: số 5300299830 do sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 15/4/2009, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 01/10/2018.

- Ngành nghề đăng ký kinh doanh chính: Sản xuất và buôn bán nguyên liệu và các mặt hàng hóa chất; sản xuất phân bón và hợp chất của ni-tơ. Các sản phẩm chính của Công ty hiện nay bao gồm: Phốt pho vàng, Axit Phosphoric thực phẩm, Axit Phosphoric trích ly, Phân bón, Phụ gia thức ăn gia súc...

- Vốn điều lệ đăng ký: 997.854.630.000 VND (Chín trăm chín mươi bảy tỷ tám trăm năm mươi tư triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng).

- Vốn điều lệ thực góp: 997.854.630.000 VND (Chín trăm chín mươi bảy tỷ tám trăm năm mươi tư triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng), bằng 100% vốn điều lệ đăng ký.

- Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5.2.2. Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn

- Địa chỉ: Khu Công nghiệp số 15 – Khu Kinh tế Nghi Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh

Thanh Hóa.

- Mã số doanh nghiệp: số 2802846993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 14/05/2020.
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh chính: Chuyên về sản xuất hóa chất cơ bản (Xút, PVC, Soda...).
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng chẵn).
- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000.000 VND (Một nghìn tỷ đồng chẵn), bằng 100% vốn điều lệ đăng ký.
- Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5.2.3. Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang – Đình Vũ

- Địa chỉ: Lô CN5.3K, Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.
- Mã số doanh nghiệp: 0201306816 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/07/2013, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 17/05/2019.
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh chính: Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất phân bón và hợp chất của ni-tơ; Dịch vụ kho bãi, vận tải.
- Vốn điều lệ đăng ký: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng), bằng 100% vốn điều lệ đăng ký.
- Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 100% vốn điều lệ.

5.2.4. Công ty TNHH Một thành viên Apatit Đức Giang

- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tăng Loong, thị trấn Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
- Mã số doanh nghiệp: 5300778978 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 18/03/2020.
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh chính: Khai thác mỏ và quặng apatit.
- Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn).
- Vốn điều lệ thực góp: 100.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn), bằng 100% vốn điều lệ đăng ký.
- Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 100% vốn điều lệ

5.2.5. Công ty TNHH Một thành viên Thể thao Hóa chất Đức Giang

- Địa chỉ: 18/44 phố Đức Giang, Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội.
- Mã số doanh nghiệp: 0109078678 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/01/2020.
- Ngành nghề đăng ký kinh doanh chính: Hoạt động của các cơ sở thể thao.
- Vốn điều lệ đăng ký: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp: 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng), bằng 100% vốn điều lệ đăng ký.
- Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 100% vốn điều lệ

5.2.6. Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam

- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tăng Loong, thị trấn Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
- Mã số doanh nghiệp: 5300656602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 13 tháng 01 năm 2014, thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 09 năm 2018.

- Ngành nghề đăng ký kinh doanh chính: Sản xuất hóa chất cơ bản: sản xuất, chế biến, kinh doanh photpho vàng và các sản phẩm khác có nguồn gốc từ photpho vàng.
- Vốn điều lệ đăng ký: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng).
- Vốn điều lệ thực góp: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng), bằng 100% vốn điều lệ đăng ký.
- Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang nắm giữ 12.750.422 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ.

Trong đó, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của một số Công ty con cụ thể như sau:

Doanh thu, lợi nhuận các Công ty con

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Công ty/chi tiêu	2017	2018	2019	Q1/2020
1	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai				
-	Doanh thu	3.335	5.855	4.835	1.313
-	Lợi nhuận sau thuế	329	810	543,5	170,9
2	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đình Vũ				
-	Doanh thu	49,9	59,5	33,6	8,5
-	Lợi nhuận sau thuế	14,9	20,4	8,55	0,9
3	Công ty cổ phần Photpho Apatit Việt Nam				
-	Doanh thu	0	240	762	305
-	Lợi nhuận sau thuế	0	1,6	9,9	20,3

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

3 Công ty con còn lại là: Công ty TNHH một thành viên Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn, Công ty TNHH một thành viên Apatit Đức Giang, Công ty TNHH MTV Thể thao Hóa chất Đức Giang do mới thành lập năm 2020 nên chưa phát sinh doanh thu, lợi nhuận.

5.3 Công ty liên kết: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Hoạt động kinh doanh chính

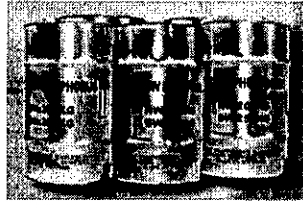
6.1.1 Sản phẩm chính

Photpho vàng (P₄):

Đặc điểm: Công thức hoá học P₄; Trọng lượng phân tử là 123,90; Chất lượng loại kỹ thuật 99,9% (TC28:2005/HCDG); Dạng bên ngoài và đặc điểm là thể rắn màu vàng nhạt hoặc màu vàng. Tỷ trọng 1,83, điểm chảy 44,1⁰C, điểm sôi 281⁰C, không tan trong nước nhưng tan trong benzene, ete và cacbon disunfua.

Sử dụng: Được dùng để sản xuất photpho đỏ, axit photphoric, photpho triclorea, photpho oxytriclorea, photphopentoxit và photpho pentasunfua; Sử dụng trong sản xuất thuốc trừ sâu gốc photpho hữu cơ và một số chất độc. Photpho vàng còn được sử dụng rộng rãi làm nguyên liệu trong một số ngành công nghiệp.

Hình ảnh:

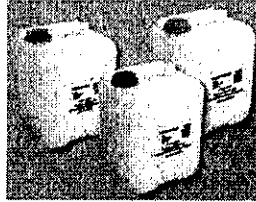


Axit Photphoric (H_3PO_4):

Đặc điểm: Công thức hoá học H_3PO_4 ; Trọng lượng phân tử là 98,0; Chất lượng loại dung trong kỹ thuật và trong thực phẩm có hàm lượng H_3PO_4 không nhỏ hơn 85%; Dạng bên ngoài và đặc điểm là chất lỏng trong suốt, không màu, có vị chua. Tỷ trọng 1,697 ($20^{\circ}C$).

Sử dụng: Được dùng để làm nguyên liệu sản xuất Natri Tripolyphosphat và các muối photphat khác; dung trong công nghiệp thực phẩm, vi sinh, thức ăn chăn nuôi gia súc,...

Hình ảnh:

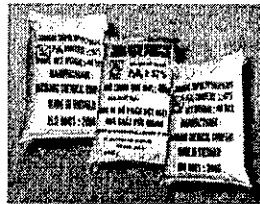


Natri tripolyphosphat ($Na_5P_3O_{10}$):

Đặc điểm: Công thức hoá học $Na_5P_3O_{10}$; Trọng lượng phân tử là 367,88; Chất lượng loại kỹ thuật TC03:2005/HCĐG; Dạng bên ngoài và đặc điểm là bột màu trắng.

Sử dụng: Được dùng trong công nghiệp sản xuất các chất giặt rửa, công nghiệp thực phẩm và vi sinh,...

Hình ảnh:



Linear alkylbenzensulfonic acid (LAS):

Đặc điểm: Công thức hoá học $C_nH_{2n+1}C_6H_4SO_3H$ (n khoảng 12); Trọng lượng phân tử trung bình 322; Chất lượng loại kỹ thuật TC04:2005/HCĐG; Dạng bên ngoài và đặc điểm thể lỏng sệt, đồng nhất, màu nâu sáng.

Sử dụng: Được dùng làm chất tạo bọt trong sản xuất các chất giặt rửa.

Hình ảnh:



Bột giặt: Đây là sản phẩm đã có thương hiệu lâu năm trong người tiêu dùng và được Công ty tái nghiên cứu sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Bột giặt Đức Giang với hàm lượng chất hoạt động bề mặt không nhỏ hơn 18%, đảm bảo đánh bật mọi vết bẩn khó tẩy nhất mà lại không hại đến da tay. Thành phần chính: LASNa, STTP,

Sodiumcarbonate, Natrisunfate, Chất tẩy trắng quang học, Hương liệu

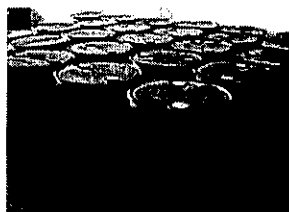


Silicat: Thủy tinh lỏng (Na_2SiO_3):

Đặc điểm: Công thức hoá học Na_2SiO_3 ; Trọng lượng phân tử là 284.22; Chất lượng kỹ thuật có hàm lượng không nhỏ hơn 30%; Dạng bên ngoài và đặc điểm là thể lỏng màu xanh xám hoặc trong suốt. Là 1 chất dễ bị axit phân hủy, rất hoạt động hóa học có thể tác dụng với nhiều chất ở dạng khí, rắn, lỏng.

Sử dụng: Chế tạo xi măng chịu axit, sơn silicat, men lạnh, chế tạo các hợp chất silicat rỗng phục vụ cho việc lọc các hợp chất khác; Chế tạo vật liệu chịu nhiệt, cách âm, chất cách điện, chất bọc que hàn điện; vật liệu xây dựng, keo dán, chất độn, giấy carton, các điện cực dương kim loại nhẹ, các chất không thấm khí, chất độn hoặc sử dụng ở dạng tấm làm vật liệu chống ăn mòn.

Hình ảnh:



Ferro phospho:

Đặc điểm: Thể rắn màu xám, tỷ trọng 1,83; không tan trong nước.

Sử dụng: phụ gia cho luyện kim

Hình ảnh:



Phân supe lân:

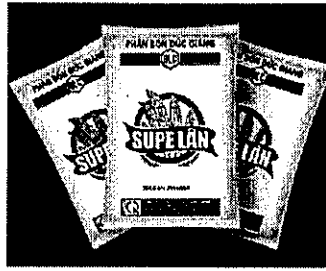
Đặc điểm: Công thức hóa học: $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$, trọng lượng phân tử $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2 = 234.052482$ g/mol. Supe lân chứa 17 - 18% P_2O_5 + 12% lưu huỳnh.

Đặc tính: Màu nâu đất hoặc màu xám xanh, xám thiếc. Một phần không tan trong nước nhưng tan trong axit yếu hoặc dung dịch ammonium citrate, cây có thể hấp thụ được. Thúc đẩy phát triển rễ cây. pH 3-4.

Sử dụng: Bón lót và thúc chủ yếu cho cây lương thực (lúa ngô khoai sắn), sử dụng cho các loại cỏ nhuộm khác nhau. Lân có trong Super lân phân lớn ở dạng dễ tiêu, hiệu quả nhanh, thích hợp với nhiều loại cây, loại đất. Tuy vậy, trên đất chua phèn nên bón phối hợp với vôi và các loại

phân lân khác. Super lân dùng ủ với phân chuồng rất tốt.

Hình ảnh:

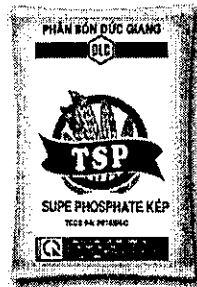


Phân lân giàu:

Đặc điểm: Công thức hóa học của thành phần chính: $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$, khối lượng phân tử: 234, Chứa 45% P_2O_5 , màu nâu đất hoặc màu xám xanh, xám thiếc. Tan tốt trong nước, một phần không tan trong nước nhưng tan trong axit yếu hoặc dung dịch ammonium citrate, cây có thể hấp thụ được. Thúc đẩy phát triển rễ cây. pH 3-4.

Sử dụng: Bón lót và thúc chủ yếu cho cây lương thực (lúa ngô khoai sắn), sử dụng cho các loại thảo nhưỡng khác nhau. Lân có trong Super lân phần lớn ở dạng dễ tiêu, hiệu quả nhanh, thích hợp với nhiều loại cây, loại đất. Tuy vậy, trên đất chua phèn nên bón phối hợp với vôi và các loại phân lân khác. Super lân dùng ủ với phân chuồng rất tốt.

Hình ảnh:

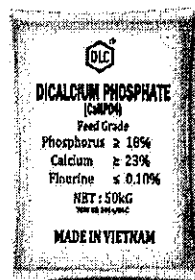


Phụ gia thức ăn gia súc (DCP):

Đặc điểm: Công thức hóa học của thành phần chính: $\text{CaHPO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$, khối lượng phân tử: 172. Màu trắng. Tan tốt trong axit yếu, Bổ sung vi lượng Ca, P cho gia súc, pH trung tính.

Sử dụng: phụ gia thức ăn gia súc, trộn DCP vào thức ăn gia súc với hàm lượng nhỏ 1-2% để tăng cường photpho và canxi cho gia súc.

Hình ảnh:



Phân lân trắng (FDCP):

Đặc điểm: Công thức hóa học của thành phần chính: CaHPO_4 hoặc $\text{CaHPO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$, khối lượng phân tử: 136 – 172, màu trắng - vàng nhạt. Tan tốt trong axit yếu, cây có thể hấp thụ được. Thúc đẩy phát triển rễ cây. pH trung tính.

Sử dụng: Bón thúc chủ yếu cho cây công nghiệp dài ngày, sử dụng cho các loại thảo nhưỡng

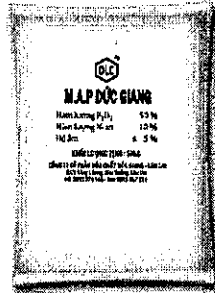
khác nhau. Và là nguyên liệu chính để sản xuất ra phân bón NPK cao cấp. Có thể bón trực tiếp.

Phân bón MAP:

Đặc điểm: Công thức hóa học: $NH_4H_2PO_4$, khối lượng phân tử: 115, màu trắng đến màu vàng trắng, xanh trắng hoặc hơi xám. tan tốt trong nước, một phần không tan trong nước nhưng tan trong axit yếu, cây có thể hấp thụ được. Thúc đẩy phát triển rễ cây. pH ~4.

Sử dụng: Bón thúc chủ yếu cho cây công nghiệp dài ngày, sử dụng cho các loại thảo nhưỡng khác nhau. Và là nguyên liệu chính để sản xuất ra phân bón NPK cao cấp. có thể bón trực tiếp.

Hình ảnh:



Axit sunfuric (H_2SO_4):

Được dùng để sản xuất axit phosphoric trích ly. Sử dụng trong sản xuất thuốc trừ sâu gốc photpho hữu cơ và một số chất độc. Axit sunfuric còn được sử dụng rộng rãi làm nguyên liệu trong một số ngành công nghiệp hóa chất.

Axit Photphoric (H_3PO_4) đậm đặc (WPA):

Là nguyên liệu để sản xuất TSP (phân lân kép), phân phức hợp DAP, MAP và các muối photphat khác; dung trong công nghiệp thực phẩm, nông nghiệp,...

6.1.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

a. Sản lượng các sản phẩm chính qua các năm

Sản lượng các nhóm mặt hàng chính qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị tính: tấn

TT	Sản phẩm	Năm 2018	Năm 2019	Quý 1/2020
1	Phốtpho vàng (P_4)	40.900	34.461	11.700
2	Axit trích ly (WPA)	192.868	129.428	35.345
3	Axit Thực phẩm	25.291	26.939	7.456
4	Phụ gia thức ăn chăn nuôi (DCP)	57.765	59.755	18.093
5	Phân phức hợp MAP (MAP)	73.812	69.693	26.506
6	Phân lân đơn (SSP)	89.744	71.705	19.825
7	Phân lân giàu (DSP)	53.681	55.540	12.078
8	Bột giặt và chất tẩy rửa	6.353	6.363	1.380

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

b. Cơ cấu doanh thu thuần

Cơ cấu doanh thu thuần các nhóm mặt hàng (hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Sản phẩm	Năm 2018		Năm 2019		Quý 1/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Phốtpho vàng (P ₄)	2.473,11	40,61	2.147,90	42,18	703,77	46,29
2	Bột giặt và chất tẩy rửa	88,29	1,45	123,23	2,42	32,66	2,15
3	Axit thực phẩm (H ₃ PO ₄ -85%)	523,13	8,59	521,50	10,24	146,19	9,62
4	Hoá dược, hóa chất tinh khiết	11,78	0,19	23,30	0,46	6	0,4
5	Hoá chất kỹ thuật	16,90	0,28	20,78	0,41	8,8	0,58
6	Phụ gia thức ăn chăn nuôi (DCP)	436,46	7,17	428,38	8,41	130,67	8,59
7	Phân phức hợp MAP (MAP)	659,92	10,84	564,71	11,09	192,03	12,63
8	Phân lân đơn (SSP)	269,72	4,43	256,81	5,04	60,66	3,99
9	Silicat	18,00	0,30	5,96	0,12	0,098	0,01
10	Axit trích ly (H ₃ PO ₄ -50%)	1.484,24	24,37	949,02	18,64	209,54	13,78
11	Sản phẩm và dịch vụ khác	17,78	1,0	50,29	0,99	29,89	1,97
	Cộng	6.090,14	100	5.091,91	100	1.520,43	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

Cơ cấu doanh thu thuần các nhóm mặt hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Sản phẩm	Năm 2018		Năm 2019		Quý 1/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bột giặt và chất tẩy rửa	89,09	15,32	123,74	35,65	32,84	39,97
2	Axit thực phẩm (H ₃ PO ₄ -85%)	81,68	14,05	1,1	0,33	-	-
3	Hoá dược, hóa chất tinh khiết	19,17	3,30	23,30	6,72	17,1	20,82
4	Hoá chất kỹ thuật	26,75	4,60	22,39	6,45	8,9	10,86
5	Sản phẩm và dịch vụ khác	364,83	62,73	176,46	50,84	23,29	28,35
	Cộng	581,54	100	347,06	100	82,16	100

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

Sản xuất Phốt pho vàng và bột giặt, chất tẩy rửa là sản phẩm kinh doanh cốt lõi của Công ty, mang lại nguồn doanh thu chính cho Công ty. Ngoài ra, Công ty còn sản xuất và kinh doanh thương mại nhiều sản phẩm hóa chất cơ bản khác.

Các mặt hàng Phốt pho vàng, DCP, MAP, SSP, WPA chỉ được sản xuất tại Công ty DGL. Thời điểm 31/12/2019, mặt hàng H₃PO₄ cũng được sản xuất hoàn toàn tại DGL nên trong báo cáo riêng tại Công ty mẹ của DGC không có các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận mặt hàng này.

Trên báo cáo tài chính hợp nhất, tổng doanh thu năm 2019 giảm tới 16,4% so với năm 2018 và đều giảm ở hầu hết các mặt hàng. Nguyên nhân sụt giảm này là do nhu cầu các mặt hàng phốt pho vàng, WPA trên thế giới giảm cả về số lượng và giá. Ngoài ra, nhu cầu phân bón chứa lân (MAP, SSP) trong nước cũng sụt giảm dẫn đến doanh thu các mặt hàng này bị ảnh hưởng tiêu cực.

Trên báo cáo tài chính riêng công ty mẹ, doanh thu từ mặt hàng bột giặt, chất tẩy rửa đang có sự tăng trưởng khá mạnh (so với năm 2018, doanh thu từ nhóm hàng bột giặt, chất tẩy rửa tăng tới 35,65%) vì Công ty đã hoàn thành việc đầu tư nhà máy mới tại khu công nghiệp Phố Nối B Hưng Yên, nâng công suất từ 10.000 tấn/năm lên 30.000 tấn/năm. Đến nay, nhà máy sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa tại Hưng Yên đã vận hành thương mại ổn định. Ngoài ra DGC còn có khoản doanh thu khác, chủ yếu đến từ kinh doanh mặt hàng axit sunfuric: DGC nhập khẩu axit rồi bán lại cho DGL. Tuy nhiên sau ngày 01/10/2018 (thời điểm DGC nhận sáp nhập DGL), DGL là công ty con của DGC nên mặt hàng này do DGL tự nhập khẩu dẫn đến giá trị doanh thu trên báo cáo tài chính 2019 của riêng công ty mẹ giảm tới hơn 40% so với năm 2018.

Cơ cấu doanh thu theo hoạt động (hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý 1/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (DTT)	6.090,14	99,18	5.090,62	98,54	1.520,43	98,47
Doanh thu tài chính	47,45	0,77	61,66	1,19	23,06	1,49
Thu nhập khác	2,74	0,04	13,90	0,27	0,55	0,04
Tổng doanh thu	6.140,33	100	5.166,18	100	1.544,04	100

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Cơ cấu doanh thu theo hoạt động (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý 1/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (DTT)	581,09	67,89	346,33	47,04	82,16	23,51
Doanh thu tài chính	274,75	32,10	389,63	52,92	266,41	76,23
Thu nhập khác	0,07	0,01	0,33	0,05	0,92	0,26
Tổng doanh thu	855,91	100	736,29	100	349,49	100

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán, BCTC Công ty mẹ Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Cơ cấu doanh thu của Công ty trên BCTC hợp nhất khá ổn định qua các năm, trong đó doanh thu từ hoạt động cốt lõi (sản xuất các sản phẩm hóa chất) chiếm tỉ trọng lớn, trên 98% tổng doanh thu. So với năm 2018, doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2019 tăng 29,94% là do doanh thu từ

lãi tiền tử có kỳ hạn năm 2019 tăng 83,1% so với năm 2018.

Về cơ cấu doanh thu tại Công ty mẹ thể hiện trên BCTC riêng: tỷ trọng doanh thu thuần năm 2019 từ bán hàng và cung cấp dịch vụ chính giảm ~20% so với tổng doanh thu. Nguyên nhân chính là do Công ty mẹ điều chuyển mảng kinh doanh thương mại axit sunfuric sang Công ty con (như đã trình bày ở phần trên) dẫn đến doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 giảm ~40% so với năm 2019. Ngoài ra, doanh thu từ cổ tức được chia năm 2019 tăng ~39% so với năm 2018 dẫn đến tỷ trọng doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2019 tăng ~19% so với năm 2018.

c. Cơ cấu lợi nhuận gộp

Cơ cấu lợi nhuận gộp (hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Sản phẩm	Năm 2018		Năm 2019		Quý 1/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Phốtpho vàng (P ₄)	448,61	32,93	373,44	37,11	116,43	38,06
2	Bột giặt và chất tẩy rửa	16,07	1,18	14,53	1,44	4,6	1,51
3	Axit thực phẩm (H ₃ PO ₄ -85%)	110,57	8,12	51,35	5,1	20,34	6,65
4	Hóa chất tinh khiết	3,18	0,23	6,49	0,64	6,38	2,09
5	Hoá chất kỹ thuật	7,76	0,57	2,71	0,27	0,63	0,21
6	Phụ gia thức ăn chăn nuôi (DCP)	58,99	4,33	61,06	6,07	29,4	9,61
7	Phân phức hợp MAP (MAP)	112,51	8,26	81,15	8,06	38,29	12,52
8	Phân lân đơn (SSP)	101,86	7,48	104,93	10,43	25,36	8,29
9	Silicat	4,05	0,30	0,23	0,02	0,02	0,01
10	Axit trích ly (WPA)	447,53	32,85	289,51	28,77	63,81	20,86
11	Sản phẩm và dịch vụ khác	51,19	3,76	21,02	2,09	0,65	0,21
	Cộng	1.362,33	100	1.006,43	100	305,95	100

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Cơ cấu lợi nhuận gộp (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Sản phẩm	Năm 2018		Năm 2019		Quý 1/2020	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bột giặt và chất tẩy rửa	16,07	16,96	14,53	23,27	4,6	27,06
2	Axit thực phẩm (H ₃ PO ₄ -85%)	7,46	7,87	0,20	0,32	0	0
3	Hóa chất tinh khiết	3,18	3,36	6,49	10,39	6,38	37,49
4	Hoá chất kỹ thuật	7,76	8,19	2,71	4,34	0,63	3,72
5	Sản phẩm và dịch vụ khác	60,30	63,63	38,50	61,67	5,4	31,73
	Cộng	94,76	100	62,43	100	17,03	100

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán, BCTC Công ty mẹ Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Do doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 giảm sút so với năm 2018 (như đã nêu ở phần trên) dẫn đến tổng lợi nhuận gộp trên BCTC hợp nhất năm 2019 giảm ~26,5% so với năm 2018.

Về cơ cấu lợi nhuận gộp trên BCTC hợp nhất, tỷ trọng lợi nhuận gộp từ các sản phẩm chính của Công ty khá ổn định, trong đó Phốt pho vàng chiếm từ ~33% đến ~37% tổng lợi nhuận gộp; phân bón chứa lân (MAP và SSP) chiếm từ ~15% đến 18% tổng lợi nhuận gộp và WPA chiếm từ ~28% đến 33% tổng lợi nhuận gộp.

Trong cơ cấu lợi nhuận gộp trên báo cáo tài chính riêng công ty mẹ, lợi nhuận gộp từ sản phẩm và dịch vụ khác chiếm tỷ trọng khá lớn (năm 2018 chiếm ~63%, năm 2019 chiếm ~61% tổng lợi nhuận gộp). Tuy nhiên, năm 2018 do thu nhập từ kinh doanh thương mại axit sunfuric năm 2018 là 36 tỷ nhưng năm 2019 không còn khoản thu nhập này (do chuyển cho công ty con kinh doanh trực tiếp như đã nêu ở phần trên) dẫn đến lợi nhuận gộp từ sản phẩm dịch vụ khác năm 2019 tại Công ty mẹ giảm hơn 36% so với năm 2018. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tổng lợi nhuận gộp 2019 giảm ~34% so với năm 2018.

6.2 Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Trong quá trình sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng các sản phẩm, Công ty lựa chọn các nguyên vật liệu và nhà cung cấp đáp ứng chặt chẽ các tiêu chuẩn mà công ty đang áp dụng.

Các loại nguyên nhiên vật liệu đầu vào của Công ty được cung cấp bởi các nhà sản xuất địa phương hoặc nhập khẩu có nguồn cung cấp dồi dào, giá cả cạnh tranh. Qua quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ gắn bó lâu dài với một số nhà sản xuất và cung cấp có thương hiệu mạnh, sản lượng sản phẩm phong phú, hệ thống kênh phân phối rộng. Các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty là:

Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
Quặng Apatit	Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam Công ty cổ phần đầu tư Vạn Thắng Công ty TNHH Xây Dựng Lan Anh Công ty cổ phần mỏ Apatit
LAB	TOYOTA TSUSHO CORPORATION RELIANCE INDUSTRIES LIMITED DAEWOO INTERNATION CORPORATION
Bao bì sản phẩm bột giặt	Công ty TNHH in và TM Tây Đô Công ty TNHH NN 1TV Bao bì 27/7 Hà Nội Công ty cổ phần bao bì Sài Gòn
Than cốc	Công ty TNHH Thiên Địa Phú Thọ HEKOU YUYANG TRADE COMPANY Công ty TNHH MTV TM&DV Tuấn Hải HEKOU LONGTONG IMPORT&EXPORT CO., LTD
Quắc zít	Công ty TNHH MTV Tổ Như

Hóa chất, ống thổi	Công ty TNHH Văn Minh Eternoo machinery Co.Ltd Công ty TNHH xuất nhập khẩu Văn Giang - Vân Nam
Amiang	Công ty TNHH thương mại văn giang Vân Nam Công ty TNHH tư vấn phiên dịch thương mại Hoàng hà Lào Cai
Điện cực	Công ty TNHH công nghiệp Trùng Giang Sâm Uyên Eternoo machinery Co.Ltd
Bao bì	Công ty TNHH sản xuất và XNK bao bì Công ty cổ phần sản xuất bao bì công nghiệp VN Công ty cổ phần thương mại Thành Công
Lưu huỳnh	Công ty TNHH Văn Minh Formosa Petrochemical Corp Sun International FZE TRANSMART DMCC
NH3	Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

6.2.2 Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên nhiên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu cũng như sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu không phải là rủi ro đáng kể đối với Công ty. Có thể khẳng định được hầu hết nguyên, nhiên vật liệu đầu vào của Công ty đều đang được cung cấp từ các nguồn đáng tin cậy và có quan hệ mật thiết hoặc quan hệ lâu năm với Công ty, cụ thể: Nguyên vật liệu được cung cấp phần lớn bởi các Công ty trong cùng Tổng công ty hoặc các bạn hàng có mối quan hệ truyền thống lâu năm, hoặc đơn vị tự sản xuất được và các nhà sản xuất lớn, nguồn hàng phong phú, luôn đảm bảo cung cấp nhanh chóng, đầy đủ kịp thời nguồn nguyên vật liệu cho Công ty khi có nhu cầu. Ngoài ra, Công ty còn được hưởng các ưu đãi về giá, thời hạn thanh toán, cước phí vận chuyển...

6.2.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên nhiên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Trong những năm gần đây, giá cả vật liệu trong nước có xu hướng tăng. Bên cạnh đó giá nhiên liệu trên thị trường thế giới biến động liên tục kéo theo sự tăng giảm giá cả nhiên liệu trong nước, ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Để giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực từ sự biến động giá cả nguyên, nhiên vật liệu đến doanh thu, lợi nhuận, Công ty thường ký kết các hợp đồng có điều khoản cho phép điều chỉnh giá trị hợp đồng khi có sự biến động giá cả các loại nguyên, nhiên vật liệu đầu vào. Tuy nhiên, sự biến động giá nguyên, nhiên liệu vẫn ảnh hưởng ít nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

6.3 Chi phí sản xuất

Cơ cấu Chi phí hoạt động kinh doanh qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		Quý 1/2020	
	Giá trị	% /DTT	Giá trị	% /DTT	Giá trị	% /DTT

Giá vốn hàng bán	4.727.807.758.080	77,63	4.084.186.279.080	80,23	1.214.481.495.518	79,88
Chi phí tài chính	56.130.010.206	0,92	57.475.187.631	1,13	9.428.728.921	0,62
Chi phí bán hàng	341.857.107.384	5,61	313.807.907.183	6,16	80.531.431.540	5,30
Chi phí quản lý	81.391.231.497	1,34	100.738.050.521	1,98	27.109.274.904	1,78
Cộng chi phí	5.207.186.107.167	85,50	4.556.207.424.415	89,50	1.331.550.930.883	87,58

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Cơ cấu Chi phí hoạt động kinh doanh qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		Quý 1/2020	
	Giá trị	% /DTT	Giá trị	% /DTT	Giá trị	% /DTT
Giá vốn hàng bán	486.328.220.515	83,69	283.887.363.761	81,97	65.125.889.379	79,27
Chi phí tài chính	1.046.920.690	0,18	384.943.534	0,11	128.198.151	0,16
Chi phí bán hàng	40.894.823.380	7,04	34.651.169.297	10,01	7.375.031.424	8,98
Chi phí quản lý	15.762.954.328	2,71	25.886.547.150	7,47	6.994.762.230	8,51
Cộng chi phí	544.032.918.913	93,62	344.810.023.742	99,56	79.623.881.184	96,91

(Nguồn: BCTC công ty mẹ đã kiểm toán năm 2018, BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán)

Trên BCTC hợp nhất, so với năm 2018, giá vốn hàng bán năm 2019 giảm 12,5% nhưng tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng nhẹ (tăng 4%). Nguyên nhân chính là do thị trường các sản phẩm của công ty suy giảm dẫn đến tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 giảm so với năm 2018 (như đã trình bày ở phần trên). Ngoài ra, mặc dù giá bán sản phẩm giảm nhưng chi phí nguyên liệu đầu vào không giảm tương ứng dẫn đến tỷ trọng giá vốn hàng bán/DTT năm 2019 tăng so với năm 2018.

Đối với Công ty mẹ, cơ cấu các khoản chi phí của Công ty khá ổn định ngoại trừ chi phí quản lý năm 2019 tăng ~65% so với năm 2018. Nguyên nhân là do năm 2019 Công ty mẹ hoàn tất xây dựng nhà máy bột giặt mới tại Hưng Yên và bắt đầu tính khấu hao tài sản tại đây, dẫn đến chi phí khấu hao tài sản cố định tăng.

6.4 Trình độ công nghệ

Công ty luôn chú trọng nâng cao công nghệ, cải tiến sản xuất, có dây chuyền hiện đại, được nâng cấp thường xuyên. Giá trị các trang thiết bị, máy móc nhà xưởng chính tại thời điểm 31/12/2019 cụ thể như sau:

Trang thiết bị máy móc nhà xưởng

(Đơn vị: VND)

Stt	Tài sản cố định	Giá trị	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại

1	Máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất bột giặt, LAS, HCTK... của DGC	213.012.287.303	111.283.987.192
2	Nhà cửa vật kiến trúc bột giặt, LAS, HCTK...	83.923.244.417	68.662.588.570
3	Máy móc thiết bị lò sản xuất phốt pho số 1-DLC	70.313.758.765	282.615.693
4	Máy móc thiết bị lò sản xuất phốt pho số 2-DLC	86.014.469.609	470.968.125
5	Máy móc thiết bị dùng chung cho 2 lò-DLC	29.654.565.698	7.553.444.559
6	Nhà cửa, vật kiến trúc	60.964.051.332	9.947.312.002
7	Thiết bị dụng cụ quản lý	8.350.518.184	6.981.151.517
8	Phương tiện vận tải	13.698.707.561	789.508.007
9	TSCĐ vô hình	39.300.354.887	31.269.205.948
10	Lò Silicat	4.626.426.848	161.072.173
11	Khu ép bột-DLC	86.701.277.276	75.025.988.958
12	Nhà máy sản xuất phân lân (TSP)	156.133.568.839	103.794.662.135
13	Nhà máy sản xuất phụ gia thức ăn gia súc (DCP)	118.368.469.929	81.762.079.568
14	Nhà máy sản xuất phân bón phức hợp (MAP)	64.399.587.633	40.170.954.536
15	Nhà cửa, máy móc thiết bị dùng chung cho sản xuất phân bón, phụ gia thức ăn chăn nuôi	175.286.754.650	128.423.210.804
16	Nhà máy sản xuất axit sulphuaric (H2SO4)	316.467.312.179	187.131.543.563
17	Nhà máy sản xuất axit phosphoric trích ly (H3PO4)	484.235.816.213	301.286.095.729
18	Xưởng sản xuất vôi	15.802.162.215	7.641.807.395
19	Nhà xưởng, máy móc dùng chung cho sản xuất axit sul, axit phos và vôi	439.433.688.066	239.750.522.335
20	Nhà máy sản xuất axit phốt nhiệt TPA	79.246.625.559	53.049.416.857
21	Nhà máy sản xuất muối phốt phát (STPP)	53.250.040.611	43.233.513.018
22	Máy móc, thiết bị nhà máy phốt pho vàng	277.648.446.107	198.611.065.859
23	Nhà ở cho cán bộ công nhân viên tại Lào Cai	82.487.293.931	73.011.777.358
24	Xưởng dệt bao	21.176.494.681	20.470.611.525
25	Máy móc thiết bị lò sản xuất phốt pho số 1 (PAC)	53.101.462.812	46.420.696.715
26	Máy móc thiết bị lò sản xuất phốt pho số 2 (PAC)	42.093.397.755	37.467.132.609
27	Máy móc thiết bị dùng chung 2 lò (PAC)	88.817.737.028	78.282.373.336
28	Máy móc thiết bị Khu ép bột (PAC)	23.230.372.891	21.021.682.593
29	Nhà xưởng sản xuất phốt pho số 1 (PAC)	83.645.291.733	76.779.880.666
30	Nhà xưởng sản xuất phốt pho số 2 (PAC)	51.487.084.308	47.741.693.301
31	Nhà xưởng khu ép bột (PAC)	25.979.208.958	24.431.630.831
32	Nhà xưởng dùng chung 2 lò (PAC)	154.230.474.229	137.628.847.729
33	Nhà xưởng Đình Vũ	83.604.244.206	42.481.748.654
	Cộng	3.586.685.196.413	2.303.020.789.861

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

Để đảm bảo cho năng lực máy móc thiết bị của Công ty sản xuất đạt năng suất, hiệu quả cao, Công ty đã xây dựng quy trình kiểm tra duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị theo nhiều cấp, công việc này được tiến hành nghiêm ngặt theo từng ngày và định kỳ.

6.4.2 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nằm trong định hướng phát triển dài hạn của Công ty, công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao là điểm then chốt tạo bước đột phá trong thời gian tới. Với mục tiêu là triển khai nghiên cứu:

- Sản xuất NPK hóa học;
- Sản xuất phụ gia thức ăn chăn nuôi MCP, MDCP;
- Phát triển công nghệ sản xuất phốt pho đỏ;
- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm hóa chất có hàm lượng công nghệ cao như Xút Clo, nhựa PVC...

Với mục đích đó, Công ty đã thành lập Ban Nghiên cứu và xây dựng phòng thí nghiệm độc lập với mục đích phát triển các sản phẩm mới dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Tập đoàn, và nòng cốt là các cán bộ có trình độ chuyên môn cao không ngừng tìm tòi, thực hiện các thí nghiệm và phát triển những sản phẩm mới nhằm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Tập đoàn.

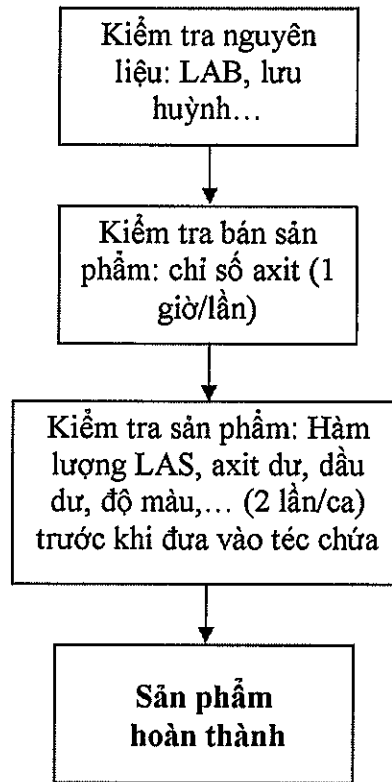
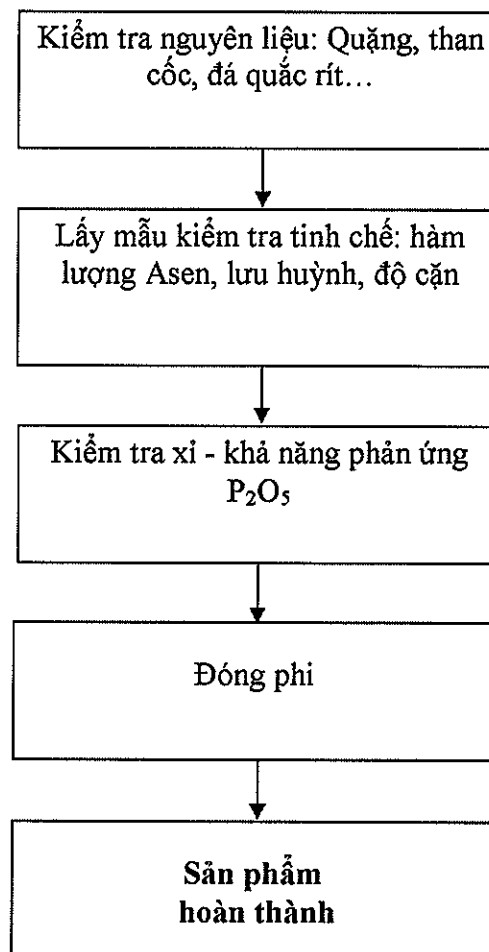
6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

Từ năm 2003, Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do tập đoàn GLOBAL - Anh Quốc cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty vẫn thực hiện duy trì và cải tiến quản lý chất lượng bằng văn bản phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001-2000. Hệ thống quản lý chất lượng được cụ thể hoá tới từng hoạt động riêng biệt bằng các quy trình được xây dựng và cải tiến liên tục, cụ thể:

- **Đối với công tác kỹ thuật:** Áp dụng quy trình bắt đầu từ công tác đầu tư, đấu thầu, triển khai thi công công trình, quản lý chất lượng, an toàn trong thi công đến khi bàn giao công trình đưa vào quản lý sử dụng...
- **Đối với công tác Tổ chức - Hành chính:** Áp dụng quy trình về công tác tuyển dụng điều động, đào tạo và nâng cao tay nghề cho cán bộ công nhân viên.
- **Công tác Kinh tế - Kế hoạch:** Áp dụng các quy trình về ký hợp đồng, xây dựng định mức, đơn giá, đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị.
- **Sản phẩm hỏng:** Áp dụng quy trình khắc phục phòng ngừa khi có nhiều lỗi phát sinh trong quá trình thi công, khắc phục những điểm không phù hợp phát hiện trong quá trình đánh giá chất lượng nội bộ và xử lý khiếu nại của khách hàng.

Để kiểm soát chất lượng sản phẩm hoàn thành. Công ty đã thành lập Ban kiểm soát quá trình thực hiện theo các tiêu chuẩn. Ban này có chức năng thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ kiểm soát, đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm bằng các thí nghiệm về đặc tính lý, hoá, độ chặt, độ ẩm, độ bền... Trong quá trình sản xuất, các sản phẩm đều được phòng kỹ thuật của Công ty kiểm tra nội bộ nếu đạt yêu cầu về chất lượng mới đưa sản phẩm vào sử dụng hoặc ra thị trường.

Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty có thể được mô tả qua một vài quy trình chính như sau:

Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm LAS**Quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm Phốt pho vàng**

6.6 Hoạt động Marketing

Xuất phát từ đặc thù sản xuất kinh doanh, bản thân Công ty đã ý thức được tầm quan trọng của hoạt động Marketing nên thời gian qua hoạt động này đang được đầu tư hợp lý. Với chiến lược tăng cường năng lực cạnh tranh và đa dạng hoá hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng một đội ngũ nhân viên Marketing chuyên nghiệp, có năng lực chuyên môn cao nhằm đẩy mạnh hoạt động marketing trong nước và marketing quốc tế. Công ty có website riêng và thực hiện việc quảng bá hình ảnh công ty cũng như các sản phẩm thông qua internet nhằm tìm kiếm đối tác trong và ngoài nước để tăng doanh thu và đẩy mạnh xuất khẩu và bán hàng trong nước.

Đặc biệt, Công ty hiện đang sở hữu Đội bóng chuyên nữ đang đánh ở Giải vô địch quốc gia là Câu lạc bộ Bóng chuyên nữ Hóa chất Đức Giang Hà Nội, nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm như Bột giặt, Phân bón của Công ty đến khắp mọi miền của tổ quốc thông qua các Giải đấu trong nước và quốc tế được tổ chức tại Việt Nam.

Do nhiều sản phẩm của Công ty là nguyên liệu đầu vào để sản xuất các loại phân bón như DAP, MAP, NPK cao cấp, nên hoạt động marketing được triển khai mở rộng như sau:

- Tập trung marketing trực tiếp vào các nhà sản xuất phân bón lớn tại các quốc gia có sản lượng nông nghiệp cao như Ấn Độ, Thái Lan, Philippin, Indonesia,...
- Chất lượng sản phẩm luôn được giữ ổn định theo tiêu chuẩn quốc tế áp dụng đối với nguyên liệu sản xuất phân bón cao cấp.
- Thành lập bộ phận kinh doanh chuyên biệt, giới chuyên môn về thương mại quốc tế và luôn bám sát giá cả thế giới để có những điều chỉnh hợp lý trong đàm phán với khách hàng.

6.7 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh và bản quyền sáng chế

Nhãn hiệu Công ty:



Biểu tượng logo của Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá theo Quyết định số 52140/QĐ-SHTT ngày 01/10/2007.

6.8 Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện hoặc đã ký kết

TT	Hợp đồng số	Ngày ký	Đối tác	Đối tượng hợp đồng	Giá trị (USD/VND)	Năm thực hiện
I HỢP ĐỒNG XUẤT KHẨU						
1	08/DLC- JUNID	5/18/2020	Unid Global Corporation	Bán phốt pho vàng	6.312.000 USD	2020
2	DP-AC20-1350-SR	3/13/2020	Mitsubishi Corporation	Bán phốt pho vàng	Bán phốt pho vàng	2020
3	01/DLC-DREY	4/22/2020	Dreymoor Fertilizers Overseas PTE LTD	WPA	2.500.000 USD	2020
4	03/DG-PERI	09/04/2019	PERIMETER SOLUTIONS DE	Phốt pho vàng	3.052.350 USD	2019

			GMBH			
5	05/DLC-UNI	17/04/2019	UNID GLOBAL CORPORATION	Phốt pho vàng	6.440.000 USD	2019
6	DP-AC19-1257-OS	06/06/2019	MITSUBISHI CORPORATION	Phốt pho vàng	1.778.112 USD	2019
7	DP-AC19-1344-SR	09/07/2019	MITSUBISHI CORPORATION	Phốt pho vàng	2.590.080 USD	2019
8	20/DLC-AGRIF	08/10/2018	AGRIFIELDS DMCC	WPA	3.343.061,03 USD	2019
9	02/DLC-MCFL	26/10/2018	MANGALORE CHEMICALS AND FERTILIZERS LIMITED	WPA	3.701.970,69 USD	2018
10	01/DLC-STL	13/07/2018	SMARTCHEM TECHNOLOGIES LIMITED	WPA	3.711.699,71 USD	2018
II HỢP ĐỒNG NHẬP KHẨU						
1	SS-2018-LAOCAI	04/12/2017	FORMOSA PETROCHEMICAL	Lưu huỳnh	4.561.737,14 USD	2018
2	SIFD-5193-18	18/01/2018	SUN INTERNATIONAL FZE	Lưu huỳnh	2.870.793,88 USD	2018
3	FIFD-20042-19	07/08/2019	FARGO INTERNATIONAL TRADING LIMITED	Lưu huỳnh	2.850.000 USD	2019
4	1318/DG-WHE/2019	30/05/2019	WEL-HUNT MATERIALS ENTERPRISE CO., LTD	Than cốc	1.669.800 USD	2019
5	09/18-03/TN-ĐG/2020	3/18/2020	Công ty TNHH TM DV XNK Tường Nguyên	Mua lưu huỳnh	20.029.817.514 VNĐ	2020
6	0206/DG-ZMMC/2020	2/26/2020	Zhejiang Metals And Materials Co	Mua than cốc	2.060.000 USD	2020

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2018, 2019 và Quý 1/2020

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	Quý 1/2020
----------	----------	----------	-------------	------------

Tổng giá trị tài sản	4.729.996.393.941	4.721.856.571.378	-0,2%	4.934.196.721.193
Vốn chủ sở hữu (*)	3.165.423.489.581	3.451.559.398.450	9,0%	3.651.110.286.327
Doanh thu thuần	6.090.140.212.019	5.090.618.453.644	-16,4%	1.520.430.779.901
Lợi nhuận gộp	1.362.332.453.939	1.006.432.174.564	-26,1%	305.949.284.383
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	928.279.371.724	596.071.868.792	-35,8%	211.939.235.488
Lợi nhuận khác	-21.670.243.544	2.998.079.676		-1.815.053.128
Lợi nhuận trước thuế	906.609.128.180	599.069.948.468	-33,9%	210.124.182.360
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.802.110.194	27.512.013.628	-18,6%	10.571.135.528
Lợi nhuận sau thuế	872.807.017.986	571.557.934.840	-34,5%	199.553.046.832
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	869.783.245.921	566.679.676.122	-34,8%	189.561.262.096
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	3.023.772.065	4.878.258.718.00	61,3%	9.991.784.736
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	37,18%	64,78%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	27,57%	16,55%	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Công ty mẹ)

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% tăng giảm	Quý 1/2020
Tổng giá trị tài sản	3.401.415.943.554	3.607.488.419.696	6,1%	3.731.787.493.505
Vốn chủ sở hữu	3.327.348.094.098	3.428.383.305.995	3,0%	3.695.531.144.451
Doanh thu thuần	581.092.072.960	346.325.393.275	-40,4%	82.161.902.923
Lợi nhuận gộp	94.763.852.445	62.438.029.514	-34,1%	17.036.013.544
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	311.811.647.186	391.150.169.440	25,4%	268.940.502.119
Lợi nhuận khác	59.716.078	-597.197.846		-597.197.846
Lợi nhuận trước thuế	311.871.363.264	390.552.971.594	25,2%	268.940.502.119
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.175.087.158	4.095.733.726	-55,4%	1.792.663.663
Lợi nhuận sau thuế	302.696.276.106	386.457.237.868	27,7%	267.147.838.456
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	106,84%	100,42%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	9,09%	11,27%	-	-

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán, BCTC Công ty mẹ Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Trong năm 2018, DGC tiến hành tăng vốn điều lệ để thực hiện nhận sáp nhập Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang – Lào Cai, theo đó DGL chuyển đổi thành công ty TNHH MTV do DGC sở hữu 100% vốn. Việc sáp nhập đã hoàn thành vào tháng 10 năm 2018 vậy nên trong báo cáo hợp nhất của DGC, các chỉ tiêu tài chính năm 2018 có sự tăng trưởng rất lớn so với năm 2017. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức được tính trên số tiền thực tế công ty mẹ chi trả cổ tức và lợi nhuận sau thuế của cổ

đồng công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo chính sách khuyến khích đầu tư tại khu vực đặc biệt khó khăn của Việt Nam, đối với các dây chuyền sản xuất tại công ty con có trụ sở tại Lào Cai được áp dụng thuế suất 10% trong vòng 15 năm, được miễn 100% giá trị thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm đầu và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo tính từ thời điểm doanh nghiệp bắt đầu có thu nhập chịu thuế. Đây là nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp trên lợi nhuận trước thuế năm 2018 (là 3,87%), năm 2019 (là 4,59%) khá thấp so với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (hiện nay là 20%)

Ghi chú:

(*): Năm 2018 Công ty hoàn tất việc sáp nhập DGL vào DGC vì vậy tại mục “nguồn vốn” trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 xuất hiện khoản “Thặng dư vốn cổ phần” là 1.786.667.372.400 đồng và mục “Vốn khác của chủ sở hữu” là (-1.113.960.026.039 đồng). Nguyên nhân là do phương pháp hạch toán kế toán liên quan trong quá trình sáp nhập và đã được đơn vị kiểm toán chấp nhận toàn phần.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

- Công ty đã có những mặt hàng truyền thống như LAS, Phốt pho vàng, H_3PO_4 , $Na_5P_3O_{10}$ và những khách hàng truyền thống như: Toyotatusho, Sumimoto, Mitsui..
- Mặt hàng axit photphoric trích ly (WPA) là một sản phẩm thiết yếu để sản xuất phân bón chứa lân cao cấp (như DAP, MAP,...).
- Sản phẩm bột giặt và chất tẩy rửa, phân bón các loại đã có thương hiệu và uy tín trên thị trường.
- Có đội ngũ công nhân, kỹ sư lành nghề.
- Có mặt bằng sản xuất rộng, địa điểm giao dịch thuận lợi.

❖ Khó khăn:

- Giá nguyên liệu tăng nhanh, một số nguyên liệu đầu vào khan hiếm, giá cả không ổn định, đặc biệt là than cốc và lưu huỳnh. Do Công ty lấy ít nên không dành được quyền phân phối mà phải mua qua đại lý, dẫn đến giá cao, chất lượng không ổn định.
- Hoạt động xuất khẩu của Công ty chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng doanh thu nên có nhiều rủi ro biến động về thị trường thế giới.
- Mặt hàng chất tẩy rửa, bột giặt có sự tranh tranh khốc liệt từ các công ty trong nước dẫn đến lợi nhuận không cao. Ngoài ra các sản phẩm hóa chất khác như WPA, STPP, H_3PO_4 ... vấp phải sự cạnh tranh rất lớn do có các sản phẩm cùng loại được nhập khẩu từ Trung Quốc.

Với những thuận lợi và khó khăn trên, kết quả sự chỉ đạo kiên quyết, sát sao và kịp thời của lãnh đạo Công ty cùng sự đoàn kết nhất trí, năng động của các cấp lãnh đạo, sự nỗ lực sáng tạo của đội ngũ CBCNV, Công ty đã vượt qua khó khăn để phát triển sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao.

Để khắc phục các khó khăn trên, Công ty đã chú trọng tới công tác tuyển dụng và đào tạo nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ cho các cán bộ. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện tái cơ cấu tài chính, giảm bớt áp lực về vốn vay và tăng cường năng lực tài chính công ty.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Lĩnh vực kinh doanh chính và chiếm tỉ trọng lớn nhất trong doanh thu của Công ty hiện nay là

sản xuất Phốt pho vàng, tiếp theo là lĩnh vực sản xuất WPA, phụ gia thức ăn gia súc (DCP) và phân bón chứa lân các loại.

Trong lĩnh vực sản xuất Phốt pho vàng, hiện có các doanh nghiệp tiêu biểu sau đây:

Tên doanh nghiệp	Công suất thiết kế (tấn/năm)	Tỉ trọng	Tình trạng
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai (DGL)	40.000	32,36%	Đang hoạt động
Công ty TNHH Phốt pho vàng Việt Nam	19.800	16,02%	Đang hoạt động
Công ty Cổ phần Phốt pho Việt Nam	6.000	4,85%	Đang hoạt động
Công ty Cổ phần Phốt pho vàng Lào Cai	10.000	8,09%	Đang hoạt động
Công ty cổ phần Đông Nam Á Lào Cai	18.000	14,56%	Đang hoạt động
Cty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	20.000	16,18%	Đang hoạt động
Công ty Cổ phần Nam Tiến Lào Cai	9.800	7,93%	Đang hoạt động
Tổng cộng	123.600	100,00%	

Nguồn: Website của các Công ty, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai

Ghi chú: Toàn bộ các doanh nghiệp sản xuất phốt pho vàng nêu trên đều là các công ty chưa đại chúng và chưa công khai báo cáo tài chính trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Các doanh nghiệp sản xuất phốt pho vàng tập trung chủ yếu tại tỉnh Lào Cai vì đây là địa bàn tập trung các mỏ apatite, nguyên liệu để sản xuất phốt pho vàng, có trữ lượng lớn nhất tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Mảng sản xuất Phốt pho vàng, WPA, DCP và phân bón chứa lân các loại được sản xuất tại Công ty TNHH MTV Hoá chất Đức Giang – Lào Cai, đây là doanh nghiệp khá trẻ, được thành lập vào tháng 4 năm 2009. Với nỗ lực cải tiến công nghệ sản xuất và chất lượng sản phẩm liên tục, thương hiệu Hoá chất Đức Giang Lào Cai đã trở thành thương hiệu có uy tín trên thị trường Việt Nam và quốc tế. Với năng lực sản xuất phốt pho vàng đạt 60.000 tấn/năm (bao gồm 40.000 tấn/năm của Công ty TNHH MTV Hoá chất Đức Giang Lào Cai và 20.000 tấn/năm của Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam), DGC là doanh nghiệp đứng đầu ngành về sản lượng phốt pho vàng hiện nay của Việt Nam.

Ngoài việc đứng đầu về sản lượng sản xuất, Công ty còn sở hữu công nghệ như sản xuất phốt pho vàng từ hỗn hợp quặng Apatit loại I và loại II trong đó quặng loại II chiếm trên 50% và công nghệ sử dụng quặng bột làm nguyên liệu sản xuất,... Đây là công nghệ thích hợp với thực tế trữ lượng và loại quặng tại vùng mỏ Lào Cai. Theo Quy hoạch thăm dò, khai thác và tuyển quặng apatite giai đoạn 2008-2020 có tính đến sau năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2008/QĐ-BCT ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương, trữ lượng quặng apatit đã được thăm dò khoảng 778 triệu tấn, trong đó quặng loại I là 31 triệu tấn (3,98%), quặng loại II là 234 triệu tấn (30%), quặng loại III là 222 triệu tấn (28%) và quặng loại IV là 291 triệu tấn (37,3%). Kết quả khảo sát trữ lượng quặng apatite Lào Cai cho thấy quặng loại I không nhiều, phân bố rộng và quặng nghèo, quặng loại II, III và IV chiếm đại đa số, quặng này phải qua làm giàu mới có giá trị sử dụng công nghiệp.

Đến nay, DGC đã có thêm các mặt hàng chủ lực là axit photphoric trích ly đậm đặc, axit photphoric thực phẩm. Hiện nay, Công ty cũng là đơn vị đầu tiên sản xuất được axit trích ly đạt tiêu chuẩn xuất khẩu với công suất 160.000 tấn/năm (P_2O_5 100%). Công suất này tương đương công suất của Nhà máy Axit Photphoric của Công ty Cổ phần DAP – VINACHEM (161.700 tấn/năm).

Bên cạnh mảng sản xuất Phốt pho vàng và hóa chất cơ bản các loại, sản xuất phân bón cũng là một mặt hàng chủ lực của Công ty, cụ thể: Năm 2018 tổng doanh thu mặt hàng phân bón và nguyên

liệu sản xuất phân bón chứa lân (SSP, MAP, WPA) chiếm 39,64% doanh thu thuần và 48,85% lợi nhuận gộp; năm 2019 tỷ trọng các mặt hàng này chiếm 33,61% doanh thu thuần và 50,53% lợi nhuận gộp. Tuy vậy, với các chiến lược đặc thù DGC vẫn cho thấy một vị trí đứng nhất định trên thị trường khi được so sánh với các công ty sản xuất khác trong cùng một ngành sản xuất hóa chất, phân bón tổng quát:

So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của DGC với các doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị tính: VND, %

Tên công ty	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền (HOSE)	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam (HOSE)	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP (HOSE)	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX)
Mã cổ phiếu	BFC	CSV	DPM	LAS
Năm thành lập	1991	1976	2003	1959
Vốn điều lệ	571.679.930.000	440.200.000.000	391.400.000.000	1.128.564.000.000
Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất phân bón	Sản xuất hóa chất vô cơ cơ bản	sản xuất và kinh doanh phân bón, hóa chất	Sản xuất và kinh doanh phân bón, hóa chất
Doanh thu thuần	6.228.490.457.000	1.566.274.193.000	7.757.075.544.000	3.028.880.852.000
Lợi nhuận sau thuế	99.254.488.000	251.144.009.000	388.859.872.000	2.411.008.000
ROE	8,61%	4,84%	4,76%	0,32%
Tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu	189,35%	33,48%	40,18%	108,69%
P/E	9,08	3,74	12,76	285,53

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2019)

Ghi chú: Các chỉ tiêu tài chính theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán, riêng chỉ tiêu P/E được xác định theo lợi nhuận sau thuế năm 2019 và giá đóng cửa cổ phiếu phiên giao dịch ngày 07/05/2020.

8.2 Triển vọng phát triển ngành

Phốt pho vàng là nguyên liệu đầu vào không thể thay thế trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp (công nghiệp điện tử, bán dẫn, chất chống cháy...), nông nghiệp (thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu...), y tế... Tốc độ tăng trưởng hàng năm bình quân 20%/năm. Năm 2018, phốt pho vàng là 20,5% (theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 12 và năm 2018 của tỉnh Lào Cai).

Trong khi đó, năng lực sản xuất trong nước chưa đáp ứng được nhu cầu trong nước và quốc tế. Bên cạnh đó, đây là ngành có lợi nhuận ổn định mà vốn đầu tư không quá nhiều, tốc độ thu hồi vốn nhanh (khoảng 2 - 3 năm).

Ngoài ra, mặt hàng Axit photphoric trích ly là nguồn nguyên liệu cơ bản để sản xuất phân bón DAP, MAP, Supe Lân, NPK... Sản xuất phân bón là lĩnh vực tiêu thụ Axit photphoric trích ly với tỷ trọng lớn nhất.

Theo Hiệp hội Phân bón Quốc tế (IFA), nguồn cung axit photphoric toàn cầu năm 2016 sẽ tăng 2,4%/năm so với năm 2015, trong khi đó nhu cầu sẽ tăng 2,5%/năm, cho thấy sẽ có mức dư thừa ổn định trên thị trường trong thời gian 2015-2017. Tiếp theo, tình trạng dư thừa này sẽ tăng với tốc độ vừa phải cho đến năm 2020. Công suất axit photphoric toàn cầu năm 2020 dự kiến sẽ tăng khoảng 13% so với năm 2015, đạt 65,3 triệu tấn P_2O_5 . Công suất toàn cầu đối với các loại phân lân chế biến chính sẽ tăng 7 triệu tấn P_2O_5 trong thời gian 2015-2020, đạt 52 triệu tấn P_2O_5 .

Năm 2018, sản lượng sản xuất phân bón trong nước tăng mạnh do việc đi vào hoạt động của các nhà máy mới. Ở phân khúc phân DAP, Nhà máy DAP Lào Cai (công suất 330.000 tấn/năm) đã giúp nguồn cung DAP trong nước tăng gấp đôi. Với xu hướng tăng trưởng của ngành phân bón trong nước và định hướng hạn chế nhập khẩu, lĩnh vực sản xuất axit photphoric được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

Cùng với tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam, thị trường hoá chất, hoá dược có sự phát triển khả quan. Trong bối cảnh đó, Công ty đã liên tục đầu tư và cải tiến công nghệ, đặc biệt là công nghệ chế biến sâu, để gia tăng sản lượng và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên.

Theo Quyết định số 1621/QĐ-TTg ngày 18/9/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2020, có tính đến năm 2030”, Chính phủ đã đề ra mục tiêu phát triển chung:

- Xây dựng ngành hóa chất có cơ cấu tương đối hoàn chỉnh, bao gồm sản xuất tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, phục vụ cho nhiều ngành công nghiệp khác; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu đối với các sản phẩm như phân bón, sản phẩm cao su, hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa chất tinh khiết, hóa dược, hóa chất tiêu dùng, v.v....
- Góp phần phân bố hợp lý lực lượng sản xuất theo ngành và theo vùng lãnh thổ, tạo nên sự phát triển cân đối, hợp lý trong ngành công nghiệp hóa chất; hình thành và phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp tập trung, các tổ hợp sản xuất hóa chất có quy mô lớn.
- Phân đầu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp hóa chất đạt bình quân từ 14% đến 16% và tỷ trọng ngành công nghiệp hóa chất so với toàn ngành công nghiệp đạt đến 14% vào năm 2020 và đạt khoảng 15% vào năm 2030.

Theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng apatit đến năm 2020, có xét đến năm 2030 đã đưa ra mục tiêu tổng quát:

- Thăm dò, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên quặng apatit. Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, lựa chọn công nghệ phù hợp tuyển quặng loại II và quặng loại IV;
- Phân đầu đạt tốc độ tăng sản lượng sản phẩm apatit các loại (quặng nguyên khai và quặng tuyển) bình quân khoảng 9 - 10%/năm giai đoạn đến năm 2020 và duy trì sản lượng ổn định ở các năm tiếp theo, đảm bảo đủ nguyên liệu cho sản xuất phân bón và hóa chất trong nước.

Trên cơ sở mục tiêu của Chính phủ, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 676/QĐ-BCT ngày 06/3/2017 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương phê duyệt “Quy hoạch phát triển sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035”. Theo đó, Bộ Công

thương đã đề ra mục tiêu phát triển như sau:

– Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng và phát triển sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản tương đối đồng bộ về cơ cấu các sản phẩm cả vô cơ và hữu cơ. Duy trì phát triển sản xuất các sản phẩm hóa chất cơ bản Việt Nam, tăng trưởng bình quân chỉ số sản xuất công nghiệp đạt 9% - 10%/năm, góp phần đưa ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam tăng trưởng bình quân 14% - 16%/năm.

– Mục tiêu cụ thể:

- ❖ Phát triển các dự án hóa chất mới có quy mô lớn. Sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu có lợi thế (apatit, lưu huỳnh và các nguyên liệu từ lọc dầu, khí thiên nhiên), khuyến khích các dự án chế biến sâu nguyên liệu, hạn chế xuất khẩu các sản phẩm như Photpho vàng, axit Photphoric cấp công nghiệp...
- ❖ Phát triển sản xuất các sản phẩm hóa chất kỹ thuật cao, hóa chất tinh khiết, hóa chất phẩm cấp kỹ thuật, cấp thực phẩm phục vụ cho nhu cầu các ngành kinh tế kỹ thuật khác như dược phẩm, thực phẩm...
- ❖ Phân đầu đến năm 2025, đáp ứng 80-90% nhu cầu một số sản phẩm hóa chất cơ bản vô cơ thông dụng (xút, axit sunfuaric, axit photphoric, axit clohydric, axit nitric, amoniac,...), 17% - 20% tổng nhu cầu một số sản phẩm hóa chất hữu cơ (MEG, PTA, DOP, VCM, LAB, LAS, Methanol).

Từ đó, có thể khẳng định định hướng phát triển của Công ty phù hợp với định hướng của ngành và chính sách của Nhà nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng Lao động và cơ cấu lao động

Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số lao động trong Công ty là 1.872 người.

Cơ cấu lao động theo trình độ và tính chất công việc

Cơ cấu lao động	Số lượng	
	Nam	Nữ
Phân theo trình độ học vấn:	1.547	325
1. Trên Đại học	2	0
2. Đại học	127	24
3. Cao đẳng	157	21
4. Trung cấp	248	64
5. Công nhân kỹ thuật	522	77
6. Lao động phổ thông	491	139
Phân theo phân công lao động:	1.547	325
1. Hội đồng quản trị	5	0
2. Ban Tổng Giám đốc	2	1
3. Lao động quản lý	90	3
4. Lao động trực tiếp	1.284	236
5. Lao động gián tiếp	166	85

9.2. Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

✚ Chế độ làm việc:

Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...

Công ty thường xuyên quan tâm cải thiện điều kiện môi trường làm việc cho người lao động, thực hiện nghiêm túc công tác an toàn và bảo hộ lao động. Hàng năm công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ để phân loại lao động, sắp xếp hợp lý, thực hiện các biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ đối với người lao động.

✚ Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Căn cứ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm, các đơn vị trực thuộc, phòng ban lập kế hoạch tuyển lao động theo từng loại chức danh ngành nghề trình Công ty. Theo quy chế tuyển dụng, phòng Tổ chức hành chính căn cứ nhu cầu nhân lực và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh lập, cân đối nhân lực theo nhu cầu, lập kế hoạch tuyển dụng lao động trình Giám đốc Công ty phê duyệt thực hiện.

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Hàng năm, Công ty thường tổ chức các đợt kiểm tra trình độ chuyên môn nhằm phân loại cán bộ công nhân viên theo trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề từ đó lập các kế hoạch bồi dưỡng đào tạo bổ sung. Ngoài ra, Công ty cũng khuyến khích nhân viên các phòng ban tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

✚ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

Hiện nay, Công ty đã xây dựng được quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được phân phối dựa trên cơ sở đặc tính công việc, thời gian lao động và năng suất lao động. Việc phân phối lương này được thực hiện công khai, dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

Cùng với tiền lương, nhằm tạo không khí, môi trường làm việc tích cực, hăng hái thi đua sản xuất kinh doanh, Công ty thực hiện chính sách khen thưởng định kỳ và khen thưởng đột xuất cho các cá nhân và tập thể có thành tích trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa các biện pháp sản xuất, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao và đạt kết quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng và gắn bó lâu dài với Công ty, lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống cả vật chất lẫn tinh thần của cán bộ công nhân viên, có chính sách tặng quà, thăm hỏi, trợ cấp ốm đau, trợ cấp tai nạn nghề nghiệp, thường xuyên tổ chức và phát động các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao... Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức cho toàn thể cán bộ công nhân viên đi tham quan, du lịch, nghỉ mát ...

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Tỷ lệ chi trả cổ tức trong 2 năm 2018 và 2019 như sau:

Năm tài chính	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán
Năm 2018	30%	15% bằng tiền mặt, đã thực hiện chi trả
		15% cổ tức bằng cổ phiếu, đã thực hiện chi trả
Năm 2019	30%	10% bằng tiền mặt, đã thực hiện chi trả

		20% cổ tức còn lại (5% tiền mặt và 15% cổ phiếu), dự kiến chi trả trong tháng 6,7/2020
--	--	--

(Nguồn: nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Báo cáo tài chính năm 2018, 2019 đã kiểm toán)

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

Việc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC của Bộ Tài chính.

Công ty hiện đang áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng, chính sách khấu hao áp dụng được thực hiện nhất quán với năm trước. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc thiết bị	2 – 10
Phương tiện vận tải	5 – 8
Thiết bị quản lý	3 – 6

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

11.1.2 Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân năm 2018 là 12.500.000 đồng/người/tháng và năm 2019 Công ty vẫn duy trì mức tổng thu nhập bình quân của người lao động là 12.500.000 đồng/người/tháng.

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

11.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước.

Số dư các khoản phải nộp theo luật định (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
Thuế Giá trị gia tăng	251.270.702	13.828.557.030	3.140.525.512
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	6.972.914.357
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.302.110.194	22.512.013.628	10.571.135.528
Thuế thu nhập cá nhân	3.768.252.233	2.766.947.636	2.526.917.036
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	834.000.000
Thuế khác	-	-	-

Tổng cộng	29.321.633.129	39.107.518.294	24.045.492.433
------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Số dư các khoản phải nộp theo luật định (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.251.144.874	572.620.509
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.675.087.158	4.095.733.726	1.792.663.663
Thuế thu nhập cá nhân	421.397.737	780.944.901	197.295.050
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	834.000.000
Thuế khác	-	-	-
Tổng cộng	6.096.484.895	6.127.823.501	3.396.579.222

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán, BCTC Công ty mẹ Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

11.1.5 Trích lập các quỹ

Số dư lũy kế các quỹ (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
Quỹ đầu tư phát triển	378.470.671.196	521.976.561.127	521.976.561.127
Quỹ khen thưởng phúc lợi	78.286.113.323	93.876.539.676	86.141.976.998

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Số dư lũy kế các quỹ (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
Quỹ đầu tư phát triển	113.739.392.364	257.245.282.295	257.245.282.295
Quỹ khen thưởng phúc lợi	9.581.746.250	7.388.143.539	5.898.973.539

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán, BCTC Công ty mẹ Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và pháp luật hiện hành được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm, cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: Từ năm 2014 trở về trước, Quỹ đầu tư phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5%. Từ 2015 đến nay tỷ lệ trích quỹ đầu tư phát triển là 10% lợi nhuận sau thuế. Ngoài ra, toàn bộ các khoản thuế được miễn giảm theo chính sách ưu đãi đầu tư của Nhà nước được bổ sung quỹ đầu tư phát triển.

Chi tiết việc trích lập quỹ đầu tư phát triển 05 năm gần nhất như sau:

Đơn vị tính: Triệu VND

Khoản mục	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thuế TNDN được miễn trích	0	0	0	0	63.081,1

vào quỹ Đầu tư phát triển					
Trích quỹ Đầu tư phát triển	6.210	10.092	3.737	8.478	80.424,8
Cộng	6.210	10.092	3.737	8.478	143.505,9

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019)

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: Được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ trích 6%.

11.1.6 Tổng dư nợ vay

Trong năm 2018 và 2019, do sử dụng nguồn vốn một cách linh hoạt, hiệu quả và không có các khoản vay dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn đều được công ty trả đúng hạn.

Các khoản vay qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		31/3/2020	
	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn
Vay ngắn hạn	1.133.082.225.435	-	735.171.200.647	-	859.740.031.329	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	1.133.082.225.435	-	735.171.200.647	-	859.740.031.329	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Các khoản vay qua các năm (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2018		31/12/2019		31/3/2020	
	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn
Vay ngắn hạn	4.917.712.200	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	4.917.712.200	-	4.917.712.200	-	-	-

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán, BCTC Công ty mẹ Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

11.1.7 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
I	Phải thu ngắn hạn	749.598.412.173	633.777.210.879	900.701.179.200
1	Phải thu khách hàng	708.965.080.418	566.659.066.346	847.805.221.740
2	Trả trước cho người bán	32.006.316.867	44.933.108.771	38.037.352.675
3	Các khoản phải thu khác	8.627.014.888	22.185.035.762	14.858.604.785
II	Phải thu dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Một số khoản phải thu lớn của khách hàng (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Tên khách hàng	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
AGRIFIELDS DMCC	115.891.416.162	40.528.099.440	

MITSUBISHI COPRATION	27.806.561.640	23.369.035.368	26.252.466.240
MITSUBISHI CORPORATION	18.724.499.145	8.738.297.736	10.923.056.930
WILSON INTERNATIONAL TRADING PRIVATE LIMITED	68.500.964.600	55.443.616.980	100.602.530.064
Unid GloBal Corporation	11.510.937.479	15.694.925.400	35.015.986.225
LANXESS DEUTSCHLAND GMBH	32.423.483.400	15.658.041.840	10.599.783.740
CHEMTRADE PHOSPHORUS SPECIALTIES L.L.C	75.622.658.933	8.723.620.575	34.395.663.540
CÔNG TY TNHH VĂN MINH	4.177.515.773	7.891.952.825	
Mangalore Chemicals and Fertilizers Limited	-	69.426.902.541	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TUẦN TỬ	13.586.517.998	10.702.982.998	
ICL SPECIALTY PRODUCTS INC	-	4.354.894.620	
Dexima GMBH	-	917.576.875	
EXCEL INDUSTRIES LIMITED	-	34.276.752.000	74.323.646.400
PRASOL CHEMICALS LIMITED	-	46.501.017.600	57.731.968.800
UPL LIMITED	36.547.852.000	-	30.374.483.040
Italmatch Chemicals S.P,A			24.467.520.000
Công ty TNHH Văn Minh	-	3.022.309.028	1.415.369.417
VITAL CHEMTECH LLP	16.811.641.440	-	
Công ty Cổ Phần Bột Giặt LIX - Chi Nhánh Tại Bắc Ninh	-	1.349.330.400	900.213.600
Chi nhánh Công ty CP Thiết Bị Bưu Điện - Nhà Máy 5	1.084.798.000	925.798.500	850
Công ty TNHH FrieslandCampina Hà Nam	1.028.390.000	673.224.497	

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Các khoản phải thu qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
I	Phải thu ngắn hạn	96.425.054.543	154.658.720.468	223.425.357.329
1	Phải thu khách hàng	84.669.258.721	25.613.331.393	17.527.267.283
2	Trả trước cho người bán	10.362.320.934	4.983.145.832	13.748.572.944
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	8.833.101.219	-
4	Các khoản phải thu khác	1.393.474.888	115.229.142.024	192.149.517.102
II	Phải thu dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán, BCTC Công ty mẹ Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Một số khoản phải thu lớn của khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

Tên khách hàng	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
Công ty TNHH Văn Minh	-	3.022.309.028	1.415.369.417
VITAL CHEMTECH LLP	16.811.641.440	-	
Công ty Cổ Phần Bột Giặt LIX - Chi Nhánh Tại Bắc Ninh	-	1.349.330.400	900.213.600
Chi nhánh Công ty CP Thiết Bị Bưu Điện - Nhà Máy 5	1.084.798.000	925.798.500	850

Công ty TNHH FrieslandCampina Hà Nam	1.028.390.000	673.224.497	
--------------------------------------	---------------	-------------	--

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán, BCTC Công ty mẹ Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Các khoản phải thu khác (công ty mẹ) tại 31/12/2019 và 31/3/2020 khá lớn so với tại thời điểm 31/12/2018 là chủ yếu do: Năm 2018: tháng 12 các công ty con (DLC, DDC) đã chuyển toàn bộ lợi nhuận về Công ty mẹ nên đến 31/12/18 không còn số dư. Năm 2019: DLC và DDC có nghị quyết chuyển lợi nhuận về cty mẹ nhưng đến hết tháng 4/2020 mới chuyển đủ tiền về. Do vậy đến 31/12/19 và 31/3/2020 vẫn còn số dư phải thu.

11.1.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản phải trả qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
NỢ PHẢI TRẢ		1.564.572.904.360	1.270.397.172.928	1.283.086.434.866
I	Nợ ngắn hạn	1.564.572.904.360	1.270.297.172.928	1.282.986.434.866
1	Phải trả người bán	205.790.639.444	130.369.816.360	190.643.520.302
2	Người mua trả tiền trước	22.664.128.953	47.778.300.982	52.493.677.851
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	29.321.633.129	39.107.518.294	24.045.492.433
4	Phải trả người lao động	70.342.283.407	71.344.094.843	38.245.190.349
5	Chi phí phải trả	18.696.168.208	17.560.486.426	22.655.358.294
6	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.389.712.461	134.989.215.700	9.021.187.310
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.133.082.225.435	735.171.200.647	859.740.031.329
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	78.286.113.323	93.876.539.676	86.141.976.998
II	Nợ dài hạn	-	100.000.000	100.000.000
1	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
2	Thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
3	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	100.000.000	100.000.000

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Một số khoản phải trả lớn của khách hàng (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

Tên khách hàng	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
Công ty cổ phần đầu tư Apatit Tam Đỉnh Lào Cai	-	-	32.785.906.150
Công ty CP Đầu tư Thương mại XNK Việt	19.364.353.209	-	-
Công ty cổ phần Phốt Pho Vàng Lào Cai	-	5.217.858.000	19.702.925.064
Công ty cổ phần phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	2.711.253.600	6.321.529.500	3.861.429.000
Công ty TNHH một thành viên Apatit Việt Nam	5.711.986.851	-	-

Công ty cổ phần giao nhận kho vận VIDIFI-INTERSERCO Lào Cai			7.866.629.848
CÔNG TY TNHH TM DV XNK Tường Nguyên			19.997.609.967
Công ty CP dịch vụ năng lượng SBM - chi nhánh Lào Cai	9.211.473.695	-	
Công ty TNHH HUIGEN Phú Thọ	-	6.140.800.000	19.880.758.500
Công ty Mậu dịch Kinh tế đối ngoại Hà Khẩu - TQ	31.442.235.282	5.795.583.113	
Công ty TNHH vận tải thương mại PNT	1.471.697.350	1.213.892.755	3.171.728.420
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Văn Giang - Vân Nam	1.726.172.561	-	
Công ty TNHH SX & XNK Bao Bì	2.398.550.000	-	
Công ty TNHH giao nhận vận tải Bình Minh	211.221.550	307.141.250	4.033.940.000
Công ty TNHH Văn Minh	1.832.633.200	-	
HO TUNG CHEMICAL CORP	12.087.641.748	5.803.954.406	8.942.739.960
Sumitomo Corporation	-	5.854.789.308	
Công ty cổ phần xăng dầu dầu khí PVOIL Hải Phòng	-	136.737.370	
Chengzhou Hengli Machinery Co Ltd	-	1.591.255.000	
Công ty CP Thương mại và Kỹ Thuật Minh Dương	-	594.153.369	
Công ty cổ phần xây lắp 1 - Petrolimex	58.450.848	-	

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Các khoản phải trả qua các năm (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
NỢ PHẢI TRẢ		220.236.772.549	179.105.113.701	36.256.349.054
I	Nợ ngắn hạn	74.067.849.456	179.105.113.701	36.256.349.054
1	Phải trả người bán	39.031.890.217	21.413.425.813	15.454.297.154
2	Người mua trả tiền trước	674.038.690	846.935.676	937.390.597
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	6.096.484.895	6.127.823.501	3.396.579.222
4	Phải trả người lao động	10.629.452.825	10.539.467.315	5.871.818.773
5	Chi phí phải trả	44.323.466	4.223.218	62.762.528
6	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.092.200.913	132.785.094.639	4.634.527.241
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.917.712.200	-	-
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	9.581.746.250	7.388.143.539	5.898.973.539
II	Nợ dài hạn	-	-	-
1	Vay và nợ dài hạn	-	-	-
2	Thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán, BCTC Công ty mẹ Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Một số khoản phải trả lớn của khách hàng (Công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

Tên khách hàng	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
Công ty TNHH Văn Minh	1.832.633.200	-	
HO TUNG CHEMICAL CORP	12.087.641.748	5.803.954.406	8.942.739.960
Sumitomo Corporation	-	5.854.789.308	
Công ty cổ phần xăng dầu khí PVOIL Hải Phòng	-	136.737.370	
Chengzhou Hengli Machinery Co Ltd	-	1.591.255.000	
Công ty CP Thương mại và Kỹ Thuật Minh Dương	-	594.153.369	
Công ty cổ phần xây lắp 1 - Petrolimex	58.450.848	-	

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán, BCTC Công ty mẹ Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Các khoản nợ phải trả đối với công ty mẹ khá nhỏ và ổn định qua các năm nhưng trong báo cáo tài chính hợp nhất tăng khá cao là do khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại công ty con tăng.

11.1.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho qua các năm (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
1	Nguyên liệu, vật liệu	431.390.953.522	423.484.910.748	332.437.194.008
2	Vật tư xây dựng cơ bản	27.722.305	52.478.076	52.356.043
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.280.758.655	33.480.531.105	29.310.716.975
4	Thành phẩm	344.940.015.334	351.236.296.775	222.911.221.309
	Tổng cộng	796.639.449.816	808.254.216.704	584.711.488.335

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Hàng tồn kho qua các năm (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
1	Nguyên liệu, vật liệu	18.167.094.516	31.160.531.199	23.938.486.453
2	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.903.305	19.503.076	19.961.043
3	Thành phẩm	33.130.473.904	17.833.419.706	29.482.944.139
	Tổng cộng	51.311.471.725	49.013.453.981	53.441.391.635

(Nguồn: BCTC Công ty mẹ 2019 kiểm toán, BCTC Công ty mẹ Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Do đặc thù của ngành sản xuất bột giặt, chất tẩy rửa (đối với công ty mẹ) và sản xuất phốt pho, WPA, phân bón chứa lân các loại (đối với công ty con), Công ty luôn phải dự trữ một lượng nguyên liệu nhất định (đảm bảo sản xuất liên tục tối thiểu khoảng 20 ngày) và một lượng thành phẩm nhất định gói đầu cho các đơn hàng. Mặt khác, nguyên liệu sản xuất cũng như thành phẩm tồn kho đều là sản phẩm không hư hỏng theo thời gian nên công ty không trích lập dự phòng.

11.1.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
2	Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	-	-
	Tổng cộng	-	-	-

Đầu tư tài chính dài hạn (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
1	Đầu tư vào công ty con	2.785.094.822.400	2.845.094.822.400	2.847.200.122.400
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	18.000.000.000	-	-
3	Đầu tư tài chính dài hạn khác	-	-	-
	Tổng cộng	2.803.094.822.400	2.845.094.822.400	2.847.200.122.400

Trước thời điểm 31/12/2018, DDC là công ty liên của với DGC (Công ty sở hữu 1.800.000 cổ phần, tương đương 30% vốn điều lệ tại DDC). Trong năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 4.200.000 cổ phần tại DDC và nâng tỷ lệ nắm giữ từ 30% vốn điều lệ lên 100% vốn điều lệ, theo đó DDC trở thành công ty con của DGC.

11.9 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất)**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,37	1,78
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,86	1,15
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	33,08	26,90
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	49,43	36,80
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho bình quân	Vòng	11,38	5,09
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	2,17	1,08
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,28	11,13
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	45,40	17,13
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	30,97	11,99
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,24	11,71

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018, 2019)

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ)

TT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	5,28	3,04
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,59	2,77
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	2,18	4,96
-	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2,23	5,22
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	11,33	5,66
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,17	0,10
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	52,09	111,59
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	9,10	11,44
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	8,90	11,03
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	53,66	112,94

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018, 2019)

Với quan điểm thận trọng trong việc sử dụng đòn bẩy tài chính, nên tỷ lệ Nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty khá thấp (năm 2019, tỷ lệ là 36,8% theo báo cáo tài chính hợp nhất và là 5,22% tại công ty mẹ).

Đối với các chỉ số đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh hợp nhất: Trong năm 2019 nhu cầu thị trường các sản phẩm chính của Công ty (phốt pho vàng, WPA,... chủ yếu là xuất khẩu) suy giảm dẫn đến Công ty gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm. Đây chính là nguyên nhân chính dẫn đến đa số các chỉ tiêu tài chính (như: vòng quay hàng tồn kho, tỷ lệ Doanh thu/ tổng tài sản,...) suy giảm. Ngoài ra, việc doanh thu giảm nhưng chi phí sản xuất không giảm tương ứng (giảm chậm hơn doanh thu) nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời (lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần) và các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng vốn (ROE, ROA) năm 2019 của công ty cũng suy giảm khá mạnh so với năm 2018.

Đối với các chỉ số đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh riêng công ty mẹ: Do công ty mẹ sản xuất chính là bột giặt và tiêu thụ trong nước, đã có thị trường ổn định nên chịu tác động không lớn từ thị trường quốc tế.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đào Hữu Huyền	Chủ tịch HĐQT	07/6/1956	23.071.716	17,83%

2	Đào Hữu Duy Anh	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	10/10/1988	3.783.627	2,92%
3	Khúc Ngọc Giảng	TV HĐQT	15/11/1980	0	0%
4	Phạm Văn Hùng	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	06/10/1984	208.985	0,16%
5	Nguyễn Văn Quang	TV HĐQT	12/10/1963	27.262	0,02%

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Văn Kiên	Trưởng ban	10/08/1980	14.455	0,01%
2	Vũ Văn Ngọ	Thành viên	26/4/1978	164.792	0,13%
3	Phạm Thị Thoa	Thành viên	16/04/1989	28.770	0,02%

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đào Hữu Duy Anh	TV HĐQT - Tổng Giám đốc	10/10/1988	3.783.627	2,92%
2	Phạm Văn Hùng	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	06/10/1984	208.985	0,16%

Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đào Thị Mai	Kế toán trưởng	09/3/1981	219.183	0,17%

12.1 Hội đồng quản trị**Ông Đào Hữu Huyền – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/06/1956
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 55 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Chứng minh thư nhân dân số: 033056000482, nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư, ngày cấp 22/12/2015
- Điện thoại liên hệ: 024 38271620
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tổng hợp, chuyên ngành Hoá
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Hoá chất Đức Giang Lào Cai.
 - Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Hoá chất Đức Giang Nghi Sơn.
 - Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang Đình Vũ.
 - Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Apatit Đức Giang.
 - Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Thể thao Hóa chất Đức Giang.
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1993 đến T4/2007	Công ty TNHH Văn Minh	Giám đốc
Từ T5/2007 đến 12/3/2020	Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Từ T5/2009 đến T9/2018	Công ty cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ T4/2012 đến 30/10/2017	Công ty cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ T5/2015 đến 30/10/2017	Công ty cổ phần Hóa chất Bảo Thắng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ T10/2018 đến nay	Công ty TNHH một thành viên Hoá chất Đức Giang Lào Cai	Chủ tịch Công ty
Từ T6/2018 đến nay	Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Từ T3/2020 đến nay	Công ty TNHH Một thành viên Apatit Đức Giang	Chủ tịch Công ty
Từ 13/3/2020 đến nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang	Chủ tịch HĐQT
Từ 01/2020 đến nay	Công ty TNHH Một thành viên Thể thao Hóa chất Đức Giang	Chủ tịch Công ty
Từ tháng 5/2020 đến nay	Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn	Chủ tịch Công ty

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức đăng ký niêm yết:
42.901.876 cổ phần, chiếm 33,16%; trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 23.071.716 cổ phần, chiếm 17,83%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ	Các khoản nợ đối với công ty	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty
1	Đào Thị Cừ	Mẹ	20.125	0,02%	Không	Không
2	Nguyễn Thị Hồng Lan	Vợ	4.950.628	3,83%	Không	Không
3	Đào Hữu Duy Anh	Con trai	3.783.627	2,92%	Không	Không
4	Đào Hồng Hạnh	Con gái	1.781.121	1,38%	Không	Không
5	Đào Thị Huệ	Chị gái	87.912	0,07%	Không	Không
6	Đào Hữu Kha	Em trai	7.891.474	6,10%	Không	Không
7	Đào Thị Huyền	Em gái	318.663	0,25%	Không	Không
8	Đào Thị Quyên	Em gái	996.610	0,77%	Không	Không

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không.
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHCĐ áp dụng với Chủ tịch HĐQT.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

Ông Đào Hữu Duy Anh – Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/10/1988
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 55 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 001088009200, nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân Cư, ngày cấp 22/12/2015
- Điện thoại liên hệ: 024 38271620
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ hoá ĐH Cambridge
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1/2012 -:- 3/2013	Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang;	Trợ lý Tổng giám đốc

4/2013 -:- 4/2015	Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang	Phó Tổng giám đốc
4/2015 đến 12/3/2020	Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang	Thành viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc
01/2012 đến 30/10/2017	Công ty cổ phần Hoá chất Phân bón Lào Cai	Thành viên HĐQT
4/2013 đến 12/03/2020	Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Đình Vũ	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty
5/2015 đến 30/10/2017	Công ty cổ phần Hoá chất Bảo Thắng	Thành viên HĐQT
Từ T6/2018 đến nay	Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam	Thành viên HĐQT
Từ 13/3/2020 đến nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hoá chất Đức Giang	Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức đăng ký niêm yết:

33.993.042 cổ phần, chiếm 26,28%:

- Sở hữu cá nhân: 3.783.627 cổ phần, chiếm 2,92%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
- Sở hữu của người có liên quan:

TT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Các khoản nợ đối với Công ty	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty
1	Đào Hữu Huyền	Bố	23.071.716	17,83%	Không	Không
2	Nguyễn Thị Hồng Lan	Mẹ	4.950.628	3,83%	Không	Không
3	Đào Hồng Hạnh	Em gái	1.781.121	1,38%	Không	Không
4	Bùi Thị Hà Thu	Vợ	405.950	0,31%	Không	Không

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao theo Nghị quyết ĐHCĐ áp dụng với Thành viên HĐQT và lương đối với Tổng Giám đốc Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Khúc Ngọc Giảng – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/11/1980
- Nơi sinh: Thái Bình
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 1902 – CT1A – Đô thị Xa La – phường Phúc La – quận Hà Đông – Hà Nội.
- Chứng minh thư nhân dân số: 017286023, ngày cấp: 02/04/2011, nơi cấp:

Công an TP Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 024 38271620
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Phó trưởng Ban ĐTXD – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
 - Chủ tịch HĐQT Công ty CP phân lân nung chảy Văn Điển.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T7/2003 đến T6/2011	Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh – chi nhánh Hà Nội	Nhân viên/Trưởng nhóm/Trưởng phòng kiểm toán xây dựng
Từ T7/2011 đến T1/2013	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Chuyên viên Ban ĐTXD
Từ T2/2013 đến T11/2015	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Phó trưởng Ban ĐTXD
Từ T04/2015 đến T4/2016	Công ty Supe phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Thành viên HĐQT
Từ T12/2015 đến T01/2018	Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	Phó bí thư đảng ủy/Phó Tổng giám đốc
Từ T04/2018 đến nay	Công ty CP Phân lân nung chảy Văn Điển (kiêm nhiệm)	Chủ tịch HĐQT
Từ T01/2018 đến nay	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Phó trưởng Ban ĐTXD

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức đăng ký niêm yết: **11.451.108 cổ phần, chiếm 8,85%;** trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu đại diện: 11.451.108 cổ phần, chiếm 8,85%.
(Đại diện sở hữu cho Tập đoàn hóa chất Việt Nam: 11.451.108 cổ phần, tương đương 8,85% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty).
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với Thành viên Hội đồng quản trị
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Phạm Văn Hùng – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 06/10/1984
- Nơi sinh: Lào Cai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phú Cường 1, TT Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
- Chứng minh thư số: 063102427 cấp ngày 16/06/2016 tại C.A Lào Cai

- Điện thoại liên hệ: 024 38271620
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí Đại học Bách Khoa
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Hóa chất Đức Giang Lào Cai;
 - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2009 đến T3/2013	Công ty CP Hóa chất Đức Giang - Lào Cai	Phó giám đốc
Từ T3/2010 đến 30/10/2017	Công ty CP Hóa chất Đức Giang - Lào Cai	Thành viên Hội đồng quản trị
Từ T3/2013 đến 3/2016	Công ty CP Hóa chất Phân bón Lào Cai	Thành viên HĐQT
Từ T4/2015 đến nay	Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc
Từ T5/2013 đến 30/10/2017	Công ty CP Hóa chất Bảo Thắng	Giám đốc
Từ T6/2018 đến nay	Công ty CP Phốt pho Apatit Việt Nam	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức đăng ký niêm yết: **211.436 cổ phần, chiếm 0,16%; trong đó:**
 - Sở hữu cá nhân: 208.985 cổ phần, chiếm 0,16 %
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan:

TT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Các khoản nợ đối với Công ty	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty
1	Phạm Thị Phương Bình	Em gái	2.451	0,0019 %	Không	Không

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao HĐQT và lương chi trả cho Phó Tổng Giám đốc công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

Ông Nguyễn Văn Quang – Thành viên Hội đồng quản trị

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 12/10/1963
- Nơi sinh: Thái Bình
- Dân tộc: Kinh

- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 11-P. Việt Hưng-Q. Long Biên, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 011720138, nơi cấp: công an Hà Nội, ngày cấp 07/6/2012.
- Điện thoại liên hệ: 024 38271620
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân hóa
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ T12/1987 đến T2/1995	Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Cán bộ kỹ thuật
Từ T3/1995 đến T12/2003	Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Quản đốc phân xưởng Axit phosphoric
Từ T4/2015 đến nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức đăng ký niêm yết:
47.158 cổ phần, chiếm 0,04%; trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 27.262 cổ phần, chiếm 0,02%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ	Các khoản nợ đối với Công ty	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty
1	Phạm Thị Yến	Vợ	19.896	0,02%	Không	Không

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHCĐ áp dụng với Thành viên HĐQT.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không.

12.2 Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đào Hữu Duy Anh	Tổng Giám đốc	Xem mục 13.1 phần IV Hội đồng quản trị DGC		
1	Phạm Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Xem mục 13.1 phần IV Hội đồng quản trị DGC		

Sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Tổng Giám đốc như sau:

Ông Đào Hữu Duy Anh – Tổng Giám đốc

Lý lịch được trình bày tại phần 13.1 mục IV - Lý lịch Hội đồng quản trị DGC.

Ông Phạm Văn Hùng – Phó Tổng Giám đốc*Lý lịch được trình bày tại phần 13.1 mục IV - Lý lịch Hội đồng quản trị DGC***12.3 Ban kiểm soát**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Văn Kiên	Trưởng ban	10/08/1980	14.455	0,01%
2	Vũ Văn Ngo	Thành viên	26/4/1978	164.792	0,13%
3	Phạm Thị Thoa	Thành viên	16/04/1989	28.770	0,02%

Sơ yếu lý lịch của các thành viên Ban Kiểm soát như sau:**Ông Nguyễn Văn Kiên – Trưởng Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/8/1980
- Nơi sinh: Hà Nội
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phòng 10.06, tòa nhà F4, KĐT mới Yên Hòa, Cầu Giấy, TP Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 001080005807, do Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư cấp ngày 30/3/2015.
- Điện thoại liên hệ: 024 38271620
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Trưởng ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2003 đến T3/2004	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Chuyên viên Cục Doanh nghiệp
Từ T4/2004 đến T12/2007	Tổng công ty Sông Đà	Chuyên viên Phòng Tài chính
Từ T12/2007 đến T8/2014	Công ty TNHH MTV Tài chính Than – Khoáng sản Việt Nam	Phó phòng/Trưởng phòng/Phó giám đốc
Từ T9/2014 đến T3/2015	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Trợ lý HĐQT
Từ tháng 4/2015 đến nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Trưởng ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức đăng ký niêm yết:
263.913 cổ phần, chiếm 0,20%; trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 14.455 cổ phần, chiếm 0,01%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ	Các khoản nợ đối với Công ty	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty
1	Đào Thị Hồng Hiên	Vợ	248.152	0,19%	Không	Không
2	Nguyễn Thị Vân Thắng	Chị gái	1.306	0,001%	Không	Không

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHCĐ áp dụng với Trưởng ban Kiểm soát.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Ông Vũ Văn Ngo – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/4/1978
- Nơi sinh: Nam Định
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xã thành lợi - Huyện vụ bản - Tỉnh Nam Định
- Chứng minh thư nhân dân số: 162162968; Ngày cấp: 19/10/2010; Nơi cấp: Nam Định
- Điện thoại liên hệ: 024 38271620
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH Văn Minh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006-T4/2007	Công ty TNHH Văn Minh	Kế toán viên
T5/2007 đến nay	Công ty TNHH Văn Minh	Kế toán trưởng
T5/2007 đến T4/2015	Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Trưởng ban Kiểm soát
T3/2016 đến 30/10/2017	Công ty cổ phần Hóa chất Phân bón Lào Cai	Thành viên HĐQT
T4/2018 đến nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Thành viên BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - 336.431 cổ phần, chiếm 0,26%; trong đó:**
 - Sở hữu cá nhân: 164.792 cổ phần, chiếm 0,13%.

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% .
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Quan hệ với người khai	Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Các khoản nợ đối với Công ty	Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty
1	Nguyễn Thị Huệ	Vợ	121.289	0,09%	Không	Không
2	Vũ Thị Sợi	Chị gái	4.522	0,003%	Không	Không
3	Vũ Thị Hoa	Em gái	28.656	0,02%	Không	Không
4	Vũ Văn Canh	Em trai	17.172	0,01%	Không	Không

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với Thành viên Ban kiểm soát
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không

Bà Phạm Thị Thoa – Thành viên Ban kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 16/04/1989
- Nơi sinh: Xuân Châu, Xuân Trường, Nam Định
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 406 CT3B X2, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
- Chứng minh thư nhân dân số: 163034298, nơi cấp: công an Nam Định, ngày cấp 22/06/2012
- Điện thoại liên hệ: 024 38271620
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa học ĐH Bách khoa Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Thành viên Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T6/2012 đến T12/2018	Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức giang	Phó trưởng Phòng KCS
T12/2018 đến nay	Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức giang	Phó Giám đốc Chi nhánh Hưng Yên
T3/2019 đến nay	Công ty CP Tập đoàn Hóa chất Đức giang	Thành viên BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức đăng ký niêm yết:

28.770 cổ phần, chiếm 0,02%; trong đó:

 - Sở hữu cá nhân: 28.770 cổ phần, chiếm 0,02%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thù lao theo nghị quyết ĐHĐCĐ áp dụng với thành viên Ban Kiểm soát
 - Lương áp dụng cho Phó Giám đốc Chi nhánh Hưng Yên
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không

12.4 Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Đào Thị Mai	Kế toán trưởng	09/03/1981	219.183	0,17%

Lý lịch của Kế toán Trưởng như sau:

Bà Đào Thị Mai – Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/03/1981
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Dân tộc: Kinh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 75B Ngõ 48 Ngõ Gia Tự, Long Biên Hà Nội
 - Chứng minh thư nhân dân số: 033181003425, nơi cấp: Cục CS ĐKQL CT & DLQG về DC, ngày cấp 15/03/2018
- Điện thoại liên hệ: 024 38271620
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2003 đến 5/2007	Công ty TNHH Văn Minh	Kế toán trưởng
Từ T4/2012 đến T3/2016	CTCP Hóa chất Phân Bón Lào Cai	Thành viên HĐQT
Từ T6/2007 đến nay	Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Tổ chức đăng ký niêm yết:

219.183 cổ phần, chiếm 0,17%; trong đó:

 - Sở hữu cá nhân: 219.183 cổ phần, chiếm 0,17%
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0%
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Lương chi trả cho Kế toán trưởng công ty

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không

13. Tài sản

Danh mục tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2019 (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	3.458.404.884.594	1.265.288.062.973	2.193.116.821.621
1	Nhà cửa vật kiến trúc	1.777.051.877.920	504.362.720.096	1.272.689.157.824
2	Máy móc thiết bị	1.525.068.298.814	674.967.161.996	850.101.136.818
3	Phương tiện vận tải	146.317.462.127	83.569.372.648	62.748.089.479
4	Thiết bị quản lý	9.967.245.733	2.388.808.233	7.578.437.500
5	Tài sản cố định khác	-	-	-
II	TSCĐ vô hình	128.545.311.819	18.516.204.690	110.760.888.174
1	Quyền sử dụng đất	127.499.472.819	17.769.851.439	109.729.621.380
2	Phần mềm máy tính	1.045.839.000	746.353.251	299.485.749
III	Chi phí XDCBDD	178.013.986.690		52.071.618.773
	Tổng cộng	3.764.964.183.103	1.283.804.267.663	2.354.889.328.568

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán)

Chi phí xây dựng cơ bản năm 2018 thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 tăng cao là do công ty tiến hành xây dựng nhà máy sản xuất bột giặt và trung tâm nghiên cứu và phát triển R&D tại Hưng Yên. Dự án đã vận hành thương mại vào đầu năm 2019.

Quyền sử dụng đất bao gồm:

(i) Quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BI630412 do UBND tỉnh Lào Cai ký ngày 25/06/2013, diện tích: 410.912,7 m², tại Khu công nghiệp Tầng Loỏng, thị trấn Tầng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

(ii) Quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BI630411 do UBND tỉnh Lào Cai ký ngày 04/07/2013, diện tích: 68.950m², tại Khu công nghiệp Tầng Loỏng, thị trấn Tầng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

(iii) Quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BI630410 do UBND tỉnh Lào Cai ký ngày 04/07/2013, diện tích: 123.490m², tại Khu công nghiệp Tầng Loỏng, thị trấn Tầng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

(iv) Quyền sử dụng đất theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CM832356 do UBND tỉnh Lào Cai ký ngày 24/10/2018, diện tích: 174.701,5m², tại Khu công nghiệp Tầng Loỏng, thị trấn Tầng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Danh mục tài sản cố định của Công ty mẹ tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	296.935.531.720	116.988.955.956	179.946.575.764

1	Nhà cửa vật kiến trúc	83.923.244.418	15.260.655.746	68.662.588.672
2	Máy móc thiết bị	148.059.599.434	56.632.824.969	91.426.774.465
3	Phương tiện vận tải	64.491.993.109	44.692.299.673	19.799.693.436
4	Thiết bị quản lý	460.694.759	403.175.568	57.519.191
5	Tài sản cố định khác	-	-	-
II	TSCĐ vô hình	265.000.000	139.861.112	125.138.888
	Tổng cộng			

(Nguồn: BCTC riêng công ty mẹ năm 2018 đã kiểm toán)

Danh mục tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/3/2020 (hợp nhất)

Đơn vị tính: VND

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	3.465.328.584.415	1.331.567.201.889	2.133.761.382.526
1	Nhà cửa vật kiến trúc	1.777.051.877.920	531.709.585.425	1.245.342.292.495
2	Máy móc thiết bị	1.530.097.453.180	709.098.347.676	820.999.105.504
3	Phương tiện vận tải	148.212.007.582	88.113.507.583	60.098.499.999
4	Thiết bị quản lý	9.967.245.733	2.645.761.205	7.321.484.528
5	Tài sản cố định khác	-	-	-
II	TSCĐ vô hình	128.545.311.819	19.243.885.771	109.301.426.048
1	Quyền sử dụng đất	127.499.472.819	18.442.671.706	109.056.801.113
2	Phần mềm máy tính	1.045.839.000	801.214.065	244.624.935
III	Chi phí XDCBDD			72.793.254.996
	Tổng cộng	3.593.873.896.234	1.350.811.087.660	2.315.856.063.570

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Danh mục tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/3/2020 (công ty mẹ)

Đơn vị tính: VND

TT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
I	TSCĐ hữu hình	297.473.778.717	122.935.420.331	174.538.358.386
1	Nhà cửa vật kiến trúc	83.923.244.418	16.260.893.468	67.662.350.950
2	Máy móc thiết bị	148.597.846.431	59.401.201.618	89.196.644.813
3	Phương tiện vận tải	64.491.993.109	46.864.757.254	17.627.235.856
4	Thiết bị quản lý	460.694.759	408.567.992	52.126.767
5	Tài sản cố định khác	-	-	-
II	TSCĐ vô hình	265.000.000	161.944.445	103.055.555
	Tổng cộng			

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Danh mục diện tích đất đai, nhà xưởng đang sử dụng (hợp nhất)

Đất trụ sở Công ty tại Số 18/44 phố Đức Giang – Thượng Thanh – Long Biên – Hà Nội	5,4 ha theo hình thức thuê đất lâu dài thời hạn 50 năm
Đất tại Chi nhánh Hưng Yên	20.000 m ² theo hình thức thuê đất lâu dài thời hạn 50 năm
Đất tại Chi nhánh Bình Dương	4.588m ² theo hình thức thuê đất lâu dài thời hạn 20 năm
Đất trụ sở Công ty tại khu công nghiệp Tăng Loong, Bảo Thắng, Lào Cai	777.499,2 m ² theo hình thức thuê đất lâu dài thời hạn 50 năm
Đất tại Khu công nghiệp Đình Vũ, Hải Phòng	20.473 m ² theo hình thức thuê đất lâu dài thời hạn 34 năm

14. Vốn chủ sở hữu**Vốn chủ sở hữu qua các năm (hợp nhất)**

Đơn vị tính: VND

Stt	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
1	Vốn góp của chủ sở hữu	1.078.038.110.000	1.293.636.160.000	1.293.636.160.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	1.786.667.372.400	1.786.667.372.400	1.786.667.372.400
3	Vốn khác của chủ sở hữu	(1.113.960.026.039)	(1.113.960.026.039)	(1.113.960.026.039)
4	Cổ phiếu quỹ	(8.730.000)	(8.730.000)	(8.730.000)
5	Quỹ đầu tư phát triển	378.470.671.196	521.976.561.127	521.976.561.127
6	LNST chưa phân phối	913.544.702.717	835.698.412.937	1.025.257.516.078
7	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	122.671.389.307	127.549.648.025	137.541.432.761
	Tổng nguồn vốn CSH	3.165.423.489.581	3.451.559.398.450	3.651.110.286.327

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, BCTC hợp nhất Quý 1/2020 do Công ty tự lập)

Theo phương án sáp nhập bằng hình thức phát hành cổ phiếu để hoán đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua ngày 15/4/2017 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 05/4/2018. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa Chất Đức Giang (DGC) đã phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai (DLC) để hoán đổi cổ phiếu lấy cổ phiếu của DLC. Sau khi hoàn thành việc phát hành cổ phiếu hoán đổi, Công ty sở hữu 100% vốn của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai và chuyển công ty liên kết thành công ty con.

Nguồn vốn chủ sở hữu hợp nhất của DGC tại thời điểm trước và sau sáp nhập như sau:

	Mã số	Số sau sáp nhập (31/12/2018)	Số trước sáp nhập (01/01/2018)
NGUỒN VỐN			
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	3.165.423.489.581	666.194.205.180
Vốn chủ sở hữu	410	3.165.423.489.581	666.194.205.180
- Vốn góp của chủ sở hữu	411	1.078.038.110.000	500.088.750.000

NGUỒN VỐN	Mã số	Số sau sáp nhập (31/12/2018)	Số trước sáp nhập (01/01/2018)
- Thặng dư vốn cổ phần	412	1.786.667.372.400	1.072.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	414	(1.113.960.026.039)	-
- Cổ phiếu quỹ	415	(8.730.000)	(8.730.000)
- Quỹ đầu tư phát triển	418	378.470.671.196	105.260.859.718
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	913.544.702.717	59.781.325.462
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	122.671.389.307	-

❖ Chi tiết cách xác định chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần như sau:

Theo hướng dẫn tại Điều 67. Tài khoản 411 – Vốn đầu tư của chủ sở hữu Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp,

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

Công ty đã phát hành 57.794.936 cổ phiếu DGC cho cổ đông của Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai để hoán đổi lấy 57.794.936 cổ phần tương đương 57,92% phần sở hữu tại Công ty này. Cụ thể:

- Số cổ phiếu phát hành hoán đổi : 57.794.936 CP
- Giá cổ phiếu DGC tại ngày hoán đổi (ngày 12/9/2018) : 40.900 VND/CP
- Giá trị phát hành (1) : 2.363.812.882.400 VND
- Giá trị theo mệnh giá (10.000 VND/CP) (2) : 577.949.360.000 VND
- Thặng dư vốn cổ phần (1) – (2) : 1.785.863.522.400 VND

❖ Chi tiết cách xác định chỉ tiêu “Vốn khác của chủ sở hữu” như sau:

Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh:

Đoạn 03 mục b có quy định “Chuẩn mực này không áp dụng đối với: Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp hoặc các hoạt động kinh doanh cùng dưới một sự kiểm soát chung;”

Đoạn 11; 12; 13 của chuẩn mực có quy định:

- “Các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung là các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát lâu dài bởi cùng một bên hoặc nhiều bên kể cả trước hoặc sau khi hợp nhất kinh doanh và việc kiểm soát là lâu dài;

- Nhóm cá nhân có quyền kiểm soát một doanh nghiệp khác khi họ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Do đó, việc hợp nhất kinh doanh theo hình thức này sẽ không thuộc phạm vi áp dụng của chuẩn mực này trong trường hợp cùng một nhóm cá nhân có quyền lợi chung cao nhất chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của từng đơn vị tham gia hợp nhất nhằm đạt được lợi ích từ hoạt động của các đơn vị đó theo thỏa thuận hợp đồng và quyền lợi chung cao nhất đó là lâu dài.

Một cá nhân hoặc nhóm cá nhân có thể cùng nhau kiểm soát một đơn vị theo một thỏa thuận hợp đồng mà cá nhân hoặc nhóm cá nhân đó không phải lập và trình bày báo cáo tài chính theo quy định của chuẩn mực kế toán. Vì vậy, các đơn vị tham gia hợp nhất không được coi như một phần của báo cáo tài chính hợp nhất cho việc hợp nhất kinh doanh của các đơn vị dưới sự kiểm soát chung”

Tại thời điểm sáp nhập, DGC đã nắm giữ 42,08% vốn điều lệ của DLC và Ông Đào Hữu Huyền và người liên quan nắm giữ 45,88% cổ phần của DGC và 64,06% cổ phần của DLC. Do đó

ng nghiệp vụ này được xác định là hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung, vì cả Công ty mẹ DGC và Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai (“DLC”) đều chịu sự kiểm soát chung của một nhóm cổ đông.

Tại thời điểm sáp nhập, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Thông thư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 “Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất” chưa có hướng dẫn cụ thể về phương pháp hạch toán nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung. Các Chuẩn mực và Thông lệ Kế toán Quốc tế cũng không có quy định cụ thể nên Công ty thực hiện hợp nhất kinh doanh theo bản chất nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Số liệu của DLC được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị ghi sổ của Công ty DLC và Công ty Hóa chất Đức Giang Đình Vũ (DDC). Khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ thuần so với giá phí hợp nhất kinh doanh được trình bày như một khoản phụ trội hợp nhất ở chỉ tiêu “Vốn khác của chủ sở hữu” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phương pháp hạch toán này không làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ, không làm thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi tiết chỉ tiêu “Vốn khác của chủ sở hữu” được xác định như sau:

	DLC	DDC	Số tiền (VND)
Tài sản	3.270.695.422.463	105.632.048.046	3.376.327.470.509
Tiền và các khoản tương đương tiền	151.306.931.169	188.619.036	151.495.550.205
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	49.600.000.000		49.600.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	534.442.474.431	8.307.853.003	542.750.327.434
Trả trước cho người bán ngắn hạn	18.470.635.232	9.102.045.370	27.572.680.602
Phải thu ngắn hạn khác	2.680.074.207		2.680.074.207
Hàng tồn kho	469.837.929.988	270.013.864	470.107.943.852
Chi phí trả trước ngắn hạn	242.493.022	366.145.826	608.638.848
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	44.529.992.391		44.529.992.391
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	403.971.996		403.971.996
Tài sản cố định hữu hình	1.795.845.590.902	58.449.144.541	1.854.294.735.443
Tài sản cố định vô hình	115.758.216.606		115.758.216.606
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18.092.277.123		18.092.277.123
Đầu tư vào công ty con	42.000.000.000		42.000.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	27.484.835.396	28.948.226.406	56.433.061.802
Nợ phải trả	1.375.102.334.339	5.359.060.977	1.380.461.395.316
Phải trả người bán ngắn hạn	224.145.901.954	1.932.331.883	226.078.233.837
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.636.059.491		14.636.059.491
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	35.901.762.209	274.778.906	36.176.541.115
Phải trả người lao động	43.228.689.300	667.550.000	43.896.239.300
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.067.094.236		16.067.094.236
Phải trả ngắn hạn khác	201.272.735.774	30.132.842	201.302.868.616
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	714.241.615.749		714.241.615.749
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	97.748.808.149	2.454.267.346	100.203.075.495
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	27.859.667.477		27.859.667.477
Giá trị hợp lý của tài sản thuần (a)	1.895.593.088.124	100.272.987.069	1.995.866.075.193
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	2.785.094.822.400	60.000.000.000	2.845.094.822.400

	DLC	DDC	Số tiền (VND)
Phụ trội hợp nhất [(a) – (b)]	(889.501.734.276)	40.272.987.069	(849.228.747.207)
Trong đó:			
<i>Quỹ đầu tư phát triển mã số 418 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	<i>(255.252.931.821)</i>	<i>(9.478.347.011)</i>	<i>(264.731.278.832)</i>
<i>Vốn khác của chủ sở hữu mã số 414 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	<i>(1.144.754.666.097)</i>	<i>30.794.640.058</i>	<i>(1.113.960.026.039)</i>

Giá phí hợp nhất kinh doanh của DLC được xác định như sau:

Số lượng cổ phiếu DLC do DGC sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Giá mua	Giá gốc	Tỷ lệ vốn góp
Số dư tại ngày 01/01/2018	41.990.527	10.033	421.281.940.000	42,08%
Số dư mua thêm tại ngày hoán đổi 12/09/2018	57.794.936	40.900	2.363.812.882.400	57,92%
Tổng cộng	99.785.463		2.785.094.822.400	100%

Giá phí hợp nhất kinh doanh của DDC được xác định như sau:

Số lượng cổ phiếu DDC do DGC sở hữu	Số lượng cổ phiếu	Giá mua	Giá gốc	Tỷ lệ vốn góp
Số lượng cổ phiếu DDC do DGC sở hữu	1.800.000	10.000	18.000.000.000	30%
Số lượng cổ phiếu DDC do DGC sở hữu qua DLC	4.200.000	10.000	42.000.000.000	70%
Tổng cộng	6.000.000		60.000.000.000	100%

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong Quý 1/2020 và tình hình tiêu thụ sản phẩm trong 5 tháng đầu năm 2020.

Căn cứ vào tính chất sản phẩm do DGC sản xuất ra: Do các sản phẩm của Công ty đều là sản phẩm thiết yếu dùng cho các ngành công nghiệp và nông nghiệp, nên mặc dù các doanh nghiệp trong và ngoài nước đang chịu tác động nặng nề bởi dịch virus Covid-19 thì các sản phẩm của Công ty vẫn đang được tiêu thụ tốt.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2020 - 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị, %	% tăng giảm so với năm 2019	Giá trị, %	% tăng giảm so với năm 2020

Doanh thu thuần	6.084	+19%	6.600	10%
Lợi nhuận sau thuế	700	+22%	770	10%
Vốn chủ sở hữu	4.086	+18%	4.633	13%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11%		11%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	17%		16%	
Cổ tức	30%		30%	

(Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang)

Chỉ tiêu về lợi nhuận được xây dựng theo phương pháp thống kê kinh nghiệm và dựa vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty, tỷ lệ chi phí hoạt động xây lắp, sản xuất công nghiệp trên tổng doanh thu và cộng thêm phần cổ tức dự kiến thu được từ các khoản góp vốn đầu tư.

15.1 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2020 - 2021:

“Hóa chất Đức Giang” là một thương hiệu lớn đã có thị trường tiêu thụ ổn định trong nhiều năm qua cả trong và ngoài nước. Vì vậy, Công ty xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trên cơ sở giữ vững thị trường truyền thống và ổn định chất lượng sản xuất. Các dây chuyền sản xuất hóa chất cơ bản mang lại doanh thu và lợi nhuận ổn định cho Công ty, cụ thể:

- Sản xuất Phốt pho vàng (P4): Hiện nay, các dây chuyền sản xuất đều chạy hết công suất và công ty đã thiết lập được hệ thống khách hàng tiêu thụ ổn định. Ngoài ra, phốt pho vàng còn là một sản phẩm thiết yếu cho rất nhiều ngành công nghiệp (công nghiệp điện tử, bán dẫn, chất chống cháy, chất ổn định bề mặt nhựa...) và nông nghiệp (thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ...), nên với đội ngũ cán bộ, công nhân đã vận hành sản xuất lành nghề việc đảm bảo kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty là hoàn toàn khả thi.

- Sản xuất Axit phosphoric trích ly (WPA): đây là nguyên liệu cần thiết để sản xuất phân bón, như phân phức hợp DAP, MAP...

- Sản xuất Axit phosphoric thực phẩm: đây là sản phẩm dùng để phục vụ các ngành công nghiệp (điện tử, bán dẫn), phục vụ ngành công nghiệp mía đường...

- Các dây chuyền sản xuất phân lân (SSP, DSP), phụ gia thức ăn chăn nuôi (DCP) và axit trích ly (WPA) cũng đang vận hành ổn định, đóng góp một phần đáng kể trong kế hoạch lợi nhuận của Công ty.

- Sản xuất các loại hóa chất cơ bản: Với lợi thế có nguồn cung cấp nguyên liệu phốt pho vàng trực tiếp từ công ty con, việc sản xuất các hóa chất cơ bản như LAS, axit photphoric và các hợp chất có nguồn gốc từ phốt pho đang là một thế mạnh của Công ty. Thị trường hóa chất cơ bản của Việt Nam là một thị trường rất lớn, sản xuất trong nước không đáp ứng được nhu cầu, chủ yếu phải nhập khẩu. Ngoài lợi thế về nguồn cung cấp nguyên liệu, Công ty còn có ưu thế về nhà xưởng và đội ngũ cán bộ công nhân lành nghề, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất mặt hàng hóa chất vậy nên, trong những năm gần đây, các sản phẩm hóa chất cơ bản của công ty đang dần chiếm lĩnh thị trường và sẽ mang lại nguồn thu ổn định trong thời gian tới.

- Đẩy mạnh triển khai các dự án nêu tại mục 14.2 dưới đây.

- Kết thúc Quý 1/2020, kết quả kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn đạt 1.520 tỷ đồng doanh thu, đạt 25% kế hoạch năm 2020 và 199,5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đạt 28,5% kế hoạch năm 2020. Ước tính 6 tháng đầu năm 2020, Công ty đạt 3.200 tỷ đồng doanh thu, đạt 52% kế hoạch năm 2020 và 449,5 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, đạt 64,2% kế hoạch năm 2020.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên, Quý I năm 2020 Công ty đã đạt hơn 1.520 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 25% kế hoạch), lợi nhuận sau thuế thuộc về Công ty mẹ đạt hơn 189 tỷ đồng (tăng 57,5% so với cùng kỳ năm 2019, tương ứng hoàn thành 27% kế hoạch). Ước tính 6 tháng đầu năm 2020, Công ty đạt 3.200 tỷ đồng, đạt 52,6% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế 449,5 tỷ đạt 64,2% kế hoạch năm 2020

Ngoài ra, Công ty còn triển khai đồng bộ các giải pháp để ổn định như:

- Ổn định và nâng cao chất lượng bộ máy quản lý, đội ngũ công nhân kỹ thuật, tăng cường trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật trong lao động, tạo ra bộ máy có tính chuyên nghiệp để phát triển thương hiệu, nâng cao vị thế, sức cạnh tranh và hiệu quả.

- Phát huy thế mạnh truyền thống, mở rộng và phát triển thị trường theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, đa dạng hoá các hình thức huy động vốn, các hình thức hợp tác đầu tư và kinh doanh trong đó chú trọng nâng cao năng lực sản xuất, nghiên cứu đầu tư các sản phẩm mới.

- Xây dựng và đưa vào thực hiện một cách nề nếp các quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty. Tăng cường kiểm tra kiểm soát nhằm lành mạnh và minh bạch hoá các hoạt động của Công ty để phát huy sức mạnh tập thể, nội lực và bảo đảm quyền lợi của cổ đông.

15.2 Các dự án dự kiến triển khai trong giai đoạn 2020 - 2021:

(i) Dự án Nhà máy NPK Hóa học:

- Địa điểm thực hiện dự án: trong khuôn viên Tổ hợp Hóa chất Đức Giang Lào Cai, tại KCN Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.
- Dự án được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cấp phép trong Quyết định chủ trương đầu tư (điều chỉnh) số 98/QĐ-BQL ngày 16/5/2019.
- Thời gian triển khai: 2019-2020. Hiện nay, công tác đầu tư, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị đã cơ bản hoàn thành. Dự kiến cuối tháng 6/2020 sẽ đi vào chạy thử.
- Công suất 100.000 tấn/năm.
- Tổng đầu tư dự kiến: 70 tỷ đồng.
- Doanh thu 1 năm dự kiến: 800 tỷ đồng/năm.
- Lợi nhuận 1 năm dự kiến: 50 tỷ đồng/năm.
- Dự án dự kiến sẽ phát sinh doanh thu vào Quý 3/2020 và lợi nhuận vào Quý 4/2020.

(ii) Dự án Khu chung cư Đức Giang, Long Biên, Hà Nội:

- Dự án đã được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp Giấy phép quy hoạch số 2917/GPQH ngày 22/5/2018.
- Ngày 10/3/2020, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ký Quyết định về việc phê duyệt

Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Tổ hợp công trình công cộng, trường học và nhà ở Đức Giang (tại số 18/44 phố Đức Giang, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội).

- Quy mô dự án: 5,4ha, với 60 căn liền kề (6.000 m²), 860 căn chung cư (69.000m², 3 Block 25 tầng). Tổng diện tích xây dựng: 150.000 m² sàn.
- Thời gian triển khai: 2021-2024.
- Tổng đầu tư dự kiến: 1.500 tỷ đồng.
- Lợi nhuận dự án dự kiến: 300 tỷ đồng.
- Dự án dự kiến phát sinh doanh thu vào quý 2/2022 và ghi nhận lợi nhuận vào quý 3/2024.

(iii) Dự án Khai thác mỏ tại Khai trường 25:

- Địa điểm thực hiện dự án: tại xã Kim Quang và xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
- Dự án đã được tỉnh Lào Cai cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 235/QĐ-UBND ngày 22/01/2020. Hiện Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng để xin cấp phép khai thác dự án. Dự kiến dự án sẽ đi vào khai thác vào tháng 9-10/2020.
- Thời gian triển khai: 2020-2025.
- Tổng đầu tư dự kiến: 300 tỷ đồng.
- Tổng doanh số dự án dự kiến: 900 tỷ đồng.
- Lợi nhuận dự án dự kiến: 300 tỷ đồng.
- Dự án dự kiến sẽ phát sinh doanh thu vào Quý 4/2020 và lợi nhuận vào Quý 4/2020.

(iv) Giai đoạn 1 Dự án Tổ hợp Hóa chất Đức Giang – Nghi Sơn:

- Địa điểm thực hiện dự án: Khu Công nghiệp số 15 – Khu Kinh tế Nghi Sơn, xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
- Ngày 11/6/2020, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ký Quyết định số 2152/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Tổ hợp Hóa chất Đức Giang Nghi Sơn.
- Thời gian triển khai: 2020-2022. Dự kiến Dự án sẽ được khởi công vào tháng 9/2020 và hoàn thành vào tháng 6/2022. Dự án sẽ hoàn thành từng phân xưởng, có thể bán hàng vào cuối năm 2021.
- Các sản phẩm chính của Dự án Giai đoạn 1:
 - + Xút – NaOH : 50.000 tấn/năm (quy đặc)
 - + HCl : 15.000 tấn/năm
 - + PAC : 30.000 tấn/năm
 - + Javen : 10.000 tấn/năm
 - + Ca(OCl)₂ : 20.000 tấn/năm
 - + Chloramin B : 1.000 tấn/năm
 - + H₃PO₃ : 10.000 tấn/năm
- Tổng đầu tư dự kiến giai đoạn 1: 2.400 tỷ đồng (Vốn tự có 40%, Vốn khác 60%).
- Doanh thu bán hàng trung bình hàng năm dự kiến là 1.900 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trung bình hàng năm dự kiến là 458 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập là 344 tỷ đồng.
- Dự án dự kiến sẽ phát sinh doanh thu vào Quý 4/2021 và lợi nhuận vào Quý 1/2022.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2021 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay. Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang dự kiến trong giai đoạn 2020 - 2021 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng (MBKE) lưu ý rằng những nhận xét của MBKE chỉ có giá trị tham khảo cho các nhà đầu tư. MBKE khuyến cáo các nhà đầu tư nên tham khảo Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư. Các thông tin trình bày hoặc các nhận định nêu trên không hàm ý MBKE bảo đảm giá trị của cổ phiếu và kết quả đầu tư vào cổ phiếu này.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết
Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số lượng niêm yết

129.363.616 cổ phần

Tổng giá trị niêm yết

1.293.636.160.000 đồng

4. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Đối với cổ đông sáng lập, Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05/03/2004. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, đến thời điểm hiện tại, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

Ngoài ra, đối với cổ phiếu của các số cổ đông nắm giữ cổ phần theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP) bị hạn chế chuyển nhượng, chi tiết nêu tại Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan kèm theo Hồ sơ đăng ký niêm yết.

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/3/2020
Vốn chủ sở hữu	3.165.423.489.581	3.451.559.398.450	3.651.110.286.327
Số cổ phần lưu hành (cổ phần)	107.803.811	126.025.373	126.025.373
Giá trị sổ sách (BV)	29.362	27.388	28.223

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Q1/2020 do Công ty tự lập)

Giá giao dịch 20 phiên gần nhất

Stt	Ngày	Tham chiếu	Mở cửa	Đóng cửa	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	GD Khớp lệnh		Tổng giao dịch	
								KL	GT	KL	GT
1	12/6/2020	36,8	36	38,5	38,5	35	36,7	310.014	11.385	361.241	13.085
2	11/6/2020	40	39,2	36,8	39,2	36,5	37,5	1.411.706	52.983	1.411.706	52.983
3	10/6/2020	40,9	40,3	40	40,5	39,4	39,9	538.759	21.514	623.759	24.651
4	9/6/2020	41,6	41,5	40,9	41,5	40	40,9	270.883	11.092	270.883	11.092
5	8/6/2020	41,5	41,5	41,6	42	41,2	41,7	404.654	16.891	464.669	19.136
6	5/6/2020	40	40,4	41,5	41,9	40	41,1	738.332	30.361	738.332	30.361
7	4/6/2020	38,2	38,3	40	40,1	38	39,4	599.621	23.610	599.621	23.610
8	3/6/2020	38,9	39	38,2	39	37,5	38,3	162.716	6.232	162.716	6.232
9	2/6/2020	39,2	39,5	38,9	40,6	38,6	39,5	272.601	10.774	272.601	10.774
10	1/6/2020	36,8	36,6	39,2	39,3	36,6	38	538.274	20.435	538.274	20.435
11	29/05/2020	36,8	37	36,8	37,1	36,5	36,8	141.908	5.217	141.908	5.217
12	28/05/2020	35,5	35,6	36,8	37,2	35,6	36,7	263.841	9.678	263.841	9.678
13	27/05/2020	33,5	33,7	35,5	36,8	33,7	35,8	450.728	16.126	450.728	16.126
14	26/05/2020	33	33	33,5	33,5	32,8	33,2	176.738	5.866	176.738	5.866
15	25/05/2020	32,6	32,7	33	33,1	29,5	32,8	183.478	6.016	183.478	6.016
16	22/05/2020	32,3	32,3	32,6	32,8	32,1	32,6	175.128	5.703	175.128	5.703
17	21/05/2020	32,3	32	32,3	32,5	31,9	32,2	185.542	5.974	185.542	5.974
18	20/05/2020	31,7	31,7	32,3	32,3	31,5	32	106.815	3.420	106.815	3.420
19	19/05/2020	31,8	32	31,7	32,4	31,6	31,9	213.095	6.806	213.095	6.806
20	18/05/2020	31,2	31,2	31,8	31,8	31	31,6	175.832	5.557	175.832	5.557

(Nguồn: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

Ghi chú: - Giá cổ phiếu: đơn vị ngàn đồng;

- Khối lượng cổ phiếu đơn vị: cổ phiếu.

Đề xuất phương pháp tính giá:

Cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang hiện đang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội với mã cổ phiếu DGC.

Giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang được tham khảo dựa trên phương

pháp so sánh là phương pháp xác định giá trị của cổ phiếu dựa trên cơ sở giá cổ phiếu của các doanh nghiệp khác (doanh nghiệp so sánh) có mô hình kinh doanh, quy mô, mức độ tăng trưởng, v...v.. tương tự với doanh nghiệp thông qua một số chỉ số thích hợp. Hai hệ số được sử dụng để định giá cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang là:

- Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần: Price/Earnings (P/E);
- Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần: Price/Book Value (P/B);

Ngoài ra, giá cổ phiếu DGC còn tham khảo giá giao dịch bình quân 20 phiên gần nhất trước ngày hủy niêm yết.

Dựa trên giá cổ phiếu giao dịch trên thị trường và các chỉ tiêu về mức sinh lời bình quân mỗi cổ phần (EPS) và giá trị sổ sách (Book value) của các doanh nghiệp so sánh, các hệ số P/E và P/B trung bình được tính toán. Theo đó:

- Giá trị của cổ phiếu DGC = P/E trung bình x EPS (DGC)
- Hoặc: Giá trị của cổ phiếu DGC = P/B trung bình x Giá trị sổ sách (DGC)

Cụ thể như sau:

Tổng hợp kết quả định giá theo phương pháp P/B

Tên công ty	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền (HOSE)	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam (HOSE)	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP (HOSE)	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX)
Mã cổ phiếu	BFC	CSV	DPM	LAS
KLCP lưu hành tại thời điểm 31/12/2019 (CP)	57.167.993	44.200.000	391.400.000	112.856.400
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 (đồng/CP)	13.867	21.171	20.852	10.975
Giá tại thời điểm ngày 12/6/2020 (đồng/CP)	12.400	22.100	14.250	7.000
P/B (lần)	0,89	1,04	0,68	0,63
P/B bình quân (lần)	0,81			

(Nguồn: MBKE research & tổng hợp từ HOSE/HNX)

Giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tại thời điểm 31/12/2019 là 27.388,81 đồng. Tham chiếu với chỉ số P/BV trung bình của các doanh nghiệp cùng ngành thì giá cổ phiếu của Công ty theo phương pháp P/B là 22.184 đồng/cổ phiếu.

Tổng hợp kết quả định giá theo phương pháp P/E

Tên công ty	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền (HOSE)	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam (HOSE)	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP (HOSE)	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao (HNX)
-------------	---	---	---	---

Mã cổ phiếu	BFC	CSV	DPM	LAS
KLCP lưu hành bình quân tại thời điểm 31/12/2019 (CP)	57.167.993	44.200.000	391.400.000	112.856.400
EPS bình quân tại thời điểm 31/12/2019 (đồng/CP)	1.556	5.558	965	21
Giá tại thời điểm ngày 12/6/2020 (đồng/CP)	12.400	22.100	14.250	7.000
P/E (lần)	7,96	3,97	14,77	327,00 (*)
P/E bình quân (lần)	8,9 (không bao gồm LAS)			

(Nguồn: MBKE research & tổng hợp từ HOSE/HNX)

Ghi chú (*): Do riêng năm 2019 lợi nhuận sau thuế của LAS đạt rất thấp dẫn đến hệ số P/E chưa thực sự phản ánh đúng bản chất của doanh nghiệp và của ngành nên không tính LAS và bỏ chỉ số P/E trung bình ngành.

Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu (EPS) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang tại thời điểm 31/12/2019 là 4.241 đồng/cổ phiếu. Tham chiếu với chỉ số P/E trung bình của các doanh nghiệp cùng ngành thì giá cổ phiếu của Công ty theo phương pháp P/E là 37.744 đồng/cổ phiếu.

Trên cơ sở kết hợp một số các phương pháp xác định giá nêu trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang sẽ do Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ - CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương về việc công bố lộ trình mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Hiện nay, cổ phiếu DGC đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và có tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của Nhà đầu tư nước ngoài là 49%.

Căn cứ vào tỷ lệ sở hữu hiện tại của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định là 49% nên khi niêm yết cổ phiếu DGC tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu DGC là 49%.

Công ty cam kết thực hiện đúng quy định và công bố thông tin đầy đủ về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phiếu DGC.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp

❖ Đối với Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC):

Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, thì

các dây chuyền sản xuất (bột giặt, hóa chất...) của Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

❖ **Đối với công ty con: Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Lào Cai (DGL):**

Đối với các dây chuyền sản xuất (phốt pho, phân bón,...) của DGL:

Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, thì các dây chuyền sản xuất (phốt pho, phân bón...) của Công ty hiện đang được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) như sau:

- Ưu đãi về thuế suất: thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày có doanh thu.
- Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế: Miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (50% của mức thuế suất 10% là 5%) kể từ năm đầu doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế.

Từ năm 2014 trở về trước thì Lò phốt pho 2 của Công ty không thuộc diện được ưu đãi thuế TNDN. Tuy nhiên, kể từ năm 2015, theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính thì Lò phốt pho 2 của Công ty đang được ưu đãi theo Lò phốt pho 1 với mức thuế suất 5% đến năm 2021 và 10% cho 2 năm 2022, 2023. Từ năm 2024 sẽ chịu mức thuế TNDN 20%.

Đối với các dây chuyền sản xuất (hóa chất, axit photphoric trích ly,...) của DGL:

Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, thì các dây chuyền sản xuất này hiện đang được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) như sau:

- Ưu đãi về thuế suất: thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày có doanh thu.
- Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế: Miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (50% của mức thuế suất 10% là 5%) kể từ năm đầu doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế.

Đối với các dây chuyền sản xuất khác (hóa chất, axit photphoric thực phẩm, phốt pho vàng,...) của DGL:

Theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, thì các dây chuyền sản xuất này hiện đang được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) như sau:

- Ưu đãi về thuế suất: thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày có doanh thu.
- Ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế: Miễn 100% thuế TNDN trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (50% của mức thuế suất 10% là 5%) kể từ năm đầu doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế.

7.2 Thuế giá trị gia tăng (VAT).

❖ **Đối với Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (DGC):**

Công ty tuân thủ theo các Luật thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành.

❖ **Đối với Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Lào Cai (DGL):**

Đối với các dây chuyền sản xuất (phốt pho, phân bón,...) của DGL:

Theo quy định tại Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính, thì sản phẩm Phốt pho vàng của Công ty là sản phẩm không chịu thuế VAT (vì tổng giá trị tài nguyên, khoáng

sản và chi phí năng lượng chiếm trên 51% giá thành sản phẩm Phốt pho vàng). Do vậy, khi xuất khẩu, sản phẩm Phốt pho vàng của Công ty không thuộc diện được hoàn thuế VAT.

Đối với các sản phẩm xuất khẩu khác (DCP xuất khẩu): Công ty vẫn được hoàn thuế VAT

Đối với các dây chuyền sản xuất (hóa chất, axit photphoric trích ly,...) của DGL:

Do tổng chi phí nguyên liệu là tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng của dưới 51% giá thành sản xuất nên không thuộc diện điều chỉnh của thông tư Thông tư 130/TT-BTC ngày 12/8/2016. Do vậy, khi xuất khẩu được hoàn thuế VAT.

Đối với các dây chuyền sản xuất khác (hóa chất, axit photphoric thực phẩm, phốt pho vàng,...) của DGL:

Đối với sản phẩm phốt pho vàng: Hiện nay không được hoàn thuế VAT (nêu phần trên).

Đối với các sản phẩm được chế biến sâu khác như H_3PO_4 ... : Không thuộc diện điều chỉnh của thông tư Thông tư 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016. Do vậy, khi xuất khẩu các sản phẩm này Công ty được hoàn thuế VAT.

7.3 Xuất khẩu và các loại thuế khác

Công ty tuân thủ theo các Luật thuế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành.

7.4 Các loại thuế đối với các nhà đầu tư

a. Nhà đầu tư cá nhân

Nhà đầu tư cá nhân phải chịu thuế thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân ngày 21/11/2007, Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

b. Nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư Tổ chức chịu thuế theo quy định hiện hành của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Nghị định 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định 122/2011/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT**1. Tổ chức kiểm toán****Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội**

Trụ sở chính : Số 02 phố Trường Sơn, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Hà Nội: 40 Giảng Võ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : +(84-8) 3 547 2972

Fax : +(84-8) 3 547 2970

Website : <http://www.a-c.com.vn>

2. Tổ chức tư vấn niêm yết**Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng**

Trụ sở: : Tầng 4A – 15 + 16, Vincom Đồng Khởi, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến

Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 44555888

Fax : (028) 38271030

Website : <http://www.kimeng.com.vn>

IX. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. **Phụ lục II** : Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty.
3. **Phụ lục III** : Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018, BCTC năm 2019, (BCTC hợp nhất và BCTC riêng), BCTC Quý 1/2020 (BCTC hợp nhất và BCTC riêng).
4. **Phụ lục IV** : Các văn bản khác.

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÁ CHẤT ĐỨC GIANG****TỔNG GIÁM ĐỐC****ĐÀO HỮU DUY ANH****CHỦ TỊCH HĐQT****ĐÀO HỮU HUYỀN****TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**
NGUYỄN VĂN KIÊN**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
ĐÀO THỊ MAI**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN****CÔNG TY TNHH MTV CHỨNG KHOÁN MAYBANK KIM ENG****GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH***Trần Quốc Tuấn*